

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ Y TẾ

Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

DANH MỤC KỸ THUẬT VÀ PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Ban hành kèm Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)

(Tiếp theo Công báo số 63 + 64)

XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	x	x	x	
2	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	x	x	x	
3	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công	x	x	x	
4	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay	x	x	x	x
5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	x	x	x	
6	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động	x	x	x	
7	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công	x	x	x	
8	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	x	x	x	

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
9	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	x	x	x	
10	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công	x	x	x	
11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
12	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x	
13	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss - phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
14	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss - phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x	
15	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	x	x	x	
16	Nghiệm pháp Protamin sulfat	x	x	x	
17	Nghiệm pháp Von-Kaulla	x	x	x	
18	Thời gian tiêu Euglobulin	x	x	x	
19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x
20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	x	x	x	x
21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	x	x	x	x
22	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
23	Định lượng D-Dimer	x	x		
24	Bán định lượng D-Dimer	x	x	x	
25	Định lượng AT/AT III (Anti thrombin/Anti thrombinIII)	x	x		
26	Phát hiện kháng đông nội sinh (Tên khác: Mix test)	x	x	x	
27	Phát hiện kháng đông ngoại sinh	x	x		
28	Phát hiện kháng đông đường chung	x	x		
29	Định lượng yếu tố đông máu nội sinh VIIIc, IX, XI	x	x		
30	Định lượng yếu tố đông máu ngoại sinh II, V, VII, X	x	x		
31	Định lượng kháng nguyên yếu tố Von Willebrand (VWF Antigen)	x			
32	Định lượng hoạt tính yếu tố Von Willebrand (VWF Activity) (tên khác: định lượng hoạt tính đồng yếu tố Ristocetin: VIII: R co)	x			

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
33	Định lượng yếu tố XII	x			
34	Định lượng yếu tố XIII (Tên khác: Định lượng yếu tố ổn định sợi huyết)	x			
35	Định tính yếu tố XIII (Tên khác: Định tính yếu tố ổn định sợi huyết)	x	x		
36	Định tính ức chế yếu tố VIIIc/IX	x	x		
37	Định lượng ức chế yếu tố VIIIc	x			
38	Định lượng ức chế yếu tố IX	x			
39	Đo độ nhớt (độ quán) máu toàn phần/huyết tương/dịch khác	x	x		
40	Định lượng phức hệ fibrin monome hòa tan (Fibrin Soluble Test), (Tên khác: FS Test; FSM Test)	x	x		
41	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với ADP/Collagen/Acid Arachidonic/Thrombin/Epinephrin	x	x		
42	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Ristocetin	x	x		
43	Định lượng FDP	x	x	x	
44	Bán định lượng FDP	x	x	x	
45	Định lượng Protein C toàn phần (Protein C Antigen)	x	x		
46	Định lượng Protein S toàn phần	x	x		
47	Định lượng hoạt tính Protein C (Protein Activity)	x	x		
48	Định lượng Protein S tự do	x	x		
49	Phát hiện kháng đông lupus (LAC/LA screen: Lupus Anticoagulant screen)	x	x		
50	Khẳng định kháng đông lupus (LAC/LA confirm: Lupus Anticoagulant confirm)	x	x		
51	Định lượng Anti Xa	x	x		
52	Nghiệm pháp sinh Thromboplastin (T.G.T: Thromboplastin Generation Test)	x	x		
53	Thời gian Reptilase	x	x		
54	Đàn hồi đồ cục máu (TEG: Thrombo Elasto Graphy)	x	x		
55	Thời gian phục hồi Canxi	x	x		
56	Định lượng hoạt tính yếu tố V Leiden	x	x		
57	Định lượng Heparin	x	x		

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
58	Định lượng Plasminogen	x	x		
59	Định lượng chất ức chế hoạt hóa Plasmin (PAI: Plasmin Activated Inhibitor)	x	x		
60	Xét nghiệm PFA (Platelet Function Analyzer) bằng Collagen/ Epinephrine trên máy tự động (Tên khác: PFA bằng Col/Epi)	x	x		
61	Xét nghiệm PFA (Platelet Function Analyzer) bằng Collagen/ADP trên máy tự động (Tên khác: PFA bằng Col/ADP)	x	x		
62	Xét nghiệm PFA (Platelet Function Analyzer) bằng P2Y trên máy tự động (Tên khác: PFA bằng P2Y)	x	x		
63	Xét nghiệm HIT (Heparin Induced Thrombocytopenia) - Ab	x	x		
64	Xét nghiệm HIT (Heparin Induced Thrombocytopenia)- IgG	x	x		
65	Định lượng C1- inhibitor	x	x		
66	Định lượng t-pA (tissue - Plasminogen Activator)	x	x		
67	Định lượng $\alpha 2$ antiplasmin	x	x		
68	Định lượng antiCardiolipin IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/điện hóa phát quang	x	x		
69	Định lượng antiCardiolipin IgM bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang điện hóa phát quang	x	x		
70	Định lượng anti $\beta 2$ GPI IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/điện hóa phát quang	x	x		
71	Định lượng anti $\beta 2$ GPI IgM bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/điện hóa phát quang	x	x		
72	Định lượng men ADAMTS13 (A Disintegrin And Metalloproteinase with ThromboSpondin1 member 13)	x	x		
73	Phát hiện DIC bằng phương pháp sóng đôi trên máy đông máu	x	x		
74	Phát hiện chất ức chế đông máu có phụ thuộc thời gian, nhiệt độ	x	x		
75	Định lượng yếu tố HMWK	x	x		
76	Định lượng yếu tố pre Kallikrein	x	x		
77	Định lượng PIVKA (Proteins Induced by Vitamin K Antagonism or Absence)	x			
78	Đo độ quánh máu toàn phần, huyết tương	x	x	x	

Huyết học - Truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
	B. SINH HÓA HUYẾT HỌC				
79	Định lượng Acid Folic	x	x		
80	Định lượng Beta 2 Microglobulin	x	x		
81	Định lượng Cyclosporin A	x	x		
82	Định lượng khả năng gắn sắt toàn thể (TIBC)	x	x		
83	Định lượng Hemoglobin tự do	x	x		
84	Định lượng sắt chưa bão hòa huyết thanh (UIBC)	x	x		
85	Định lượng Transferin receptor hòa tan (TFR)	x	x		
86	Định lượng ZPP (Zinc Proto Phorphyrin)	x	x		
87	Độ bão hòa Transferin	x	x		
88	Định lượng vitamin B12	x	x		
89	Định lượng Transferin	x	x		
90	Định lượng Hepcidin	x	x		
91	Định lượng EPO (Erythropoietin)	x	x		
92	Đo huyết sắc tố niệu	x	x	x	
93	Methemoglobin	x	x		
94	Định lượng Peptid - C	x	x		
95	Định lượng Methotrexat	x	x		
96	Định lượng Haptoglobin	x	x		
97	Định lượng Free kappa huyết thanh	x			
98	Định lượng Free lambda huyết thanh	x			
99	Định lượng Free kappa niệu	x			
100	Định lượng Free lambda niệu	x			
101	Xét nghiệm hồng cầu tự tan	x	x		
102	Sức bền thẩm thấu hồng cầu	x	x	x	
103	Định lượng G6PD	x			
104	HK (Hexokinase)	x			
105	GPI (Glucose phosphate isomerase)	x			
106	PFK (Phosphofructokinase)	x			

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
107	ALD (Aldolase)	x			
108	PGK (Phosphoglycerate kinase)	x			
109	PK (Pyruvatkinase)	x			
110	Fructosamin	x	x		
111	IGF-I	x			
112	Định lượng IgG	x	x		
113	Định lượng IgA	x	x		
114	Định lượng IgM	x	x		
115	Định lượng IgE	x	x		
116	Định lượng Ferritin	x	x		
117	Định lượng sắt huyết thanh	x	x	x	
	C. TẾ BÀO HỌC				
118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x	x	x
119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
122	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)	x			
123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
125	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
126	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (chưa bao gồm kim chọc tủy một lần)	x	x		
127	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (bao gồm kim chọc tủy nhiều lần)	x	x		
128	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (sử dụng máy khoan cầm tay)	x	x		
129	Xét nghiệm tế bào học tủy xương (không bao gồm thủ thuật chọc hút tủy)	x	x		
130	Thủ thuật sinh thiết tủy xương (chưa bao gồm kim sinh thiết một lần)	x	x		
131	Thủ thuật sinh thiết tủy xương (bao gồm kim sinh thiết nhiều lần)	x	x		

Huyết học - Truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
132	Thủ thuật sinh thiết tủy xương (sử dụng máy khoan cầm tay)	x	x		
133	Xét nghiệm mô bệnh học tủy xương (không bao gồm thủ thuật sinh thiết tủy xương)	x	x		
134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
135	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	x	x		
136	Tìm mảnh vỡ hồng cầu	x	x	x	
137	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ	x	x	x	
138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	x	x	x	
140	Tìm giun chỉ trong máu	x	x	x	x
141	Tập trung bạch cầu	x	x		
142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
143	Máu lắng (bằng máy tự động)	x	x	x	
144	Tìm tế bào Hargraves	x	x	x	
145	Nhuộm sợi xơ trong mô tủy xương	x	x		
146	Nhuộm sợi liên võng trong mô tủy xương	x	x		
147	Nhuộm hóa mô miễn dịch tủy xương	x	x		
148	Nhuộm hóa học tế bào tủy xương (gồm nhiều phương pháp)	x	x		
149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
150	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)	x	x		
151	Cặn Addis	x	x	x	
152	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công	x	x	x	
153	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động	x	x	x	
154	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	x	x	x	
155	Xét nghiệm tế bào học lách (lách đồ)	x	x		

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
156	Xử lý và đọc tiêu bản (tủy, lách, hạch)	x	x		
157	Chụp ảnh màu tế bào qua kính hiển vi	x	x		
158	Chụp ảnh màu tế bào qua kính hiển vi in trên đĩa CD	x	x		
159	Xử lý bệnh phẩm sinh thiết và chẩn đoán tổ chức học	x	x		
160	Thử tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	x	x	x	
161	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng quang kế	x	x	x	
162	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
164	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
165	Làm thủ thuật chọc hút hạch làm hạch đồ	x	x		
166	Xét nghiệm tế bào hạch (hạch đồ)	x	x		
167	Làm thủ thuật sinh thiết hạch	x	x		
168	Xét nghiệm mô bệnh học hạch	x	x		
169	Làm thủ thuật chọc hút lách làm lách đồ	x	x		
170	Xét nghiệm tế bào học lách (lách đồ)	x	x		
171	Đo đường kính hồng cầu	x			
	D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
172	Xác định kháng nguyên Lu ^a của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
173	Xác định kháng nguyên Lu ^b của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
174	Xác định kháng nguyên Lu ^a của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
175	Xác định kháng nguyên Lu ^b của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
176	Xác định kháng nguyên Lu ^a của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
177	Xác định kháng nguyên Lu ^b của hệ nhóm máu Lutheran (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		

Huyết học - Truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
178	Xác định kháng nguyên Fy ^a của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
179	Xác định kháng nguyên Fy ^b của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
180	Xác định kháng nguyên Fy ^a của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
181	Xác định kháng nguyên Fy ^b của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
182	Xác định kháng nguyên Fy ^a của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
183	Xác định kháng nguyên Fy ^b của hệ nhóm máu Duffy (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
184	Xác định kháng nguyên K của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
185	Xác định kháng nguyên k của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
186	Xác định kháng nguyên K của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
187	Xác định kháng nguyên k của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
188	Xác định kháng nguyên K của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
189	Xác định kháng nguyên k của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
190	Xác định kháng nguyên Kp ^a của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
191	Xác định kháng nguyên Kp ^b của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
192	Xác định kháng nguyên Kp ^a của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
193	Xác định kháng nguyên Kp ^b của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
194	Xác định kháng nguyên Kp ^a của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
195	Xác định kháng nguyên Kp ^b của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
196	Xác định kháng nguyên Js ^a của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
197	Xác định kháng nguyên Js ^b của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
198	Xác định kháng nguyên Js ^a của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
199	Xác định kháng nguyên Js ^b của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
200	Xác định kháng nguyên Js ^a của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
201	Xác định kháng nguyên Js ^b của hệ nhóm máu Kell (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
202	Xác định kháng nguyên Jk ^a của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
203	Xác định kháng nguyên Jk ^b của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
204	Xác định kháng nguyên Jk ^a của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
205	Xác định kháng nguyên Jk ^b của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
206	Xác định kháng nguyên Jk ^a của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
207	Xác định kháng nguyên Jk ^b của hệ nhóm máu Kidd (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
208	Xác định kháng nguyên M của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
209	Xác định kháng nguyên N của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
210	Xác định kháng nguyên M của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
211	Xác định kháng nguyên N của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
212	Xác định kháng nguyên M của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
213	Xác định kháng nguyên N của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
214	Xác định kháng nguyên S của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
215	Xác định kháng nguyên s của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
216	Xác định kháng nguyên S của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
217	Xác định kháng nguyên s của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
218	Xác định kháng nguyên S của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
219	Xác định kháng nguyên s của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
220	Xác định kháng nguyên Mi ^a của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
221	Xác định kháng nguyên Mi ^a của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
222	Xác định kháng nguyên Mi ^a của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
223	Xác định kháng nguyên P1 của hệ nhóm máu P1Pk (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
224	Xác định kháng nguyên P1 của hệ nhóm máu P1Pk (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
225	Xác định kháng nguyên P1 của hệ nhóm máu P1Pk (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
226	Xác định kháng nguyên C của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
227	Xác định kháng nguyên C của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
228	Xác định kháng nguyên C của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
229	Xác định kháng nguyên c của hệ của nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
230	Xác định kháng nguyên c của hệ của nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
231	Xác định kháng nguyên c của hệ của nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
232	Xác định kháng nguyên E của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
233	Xác định kháng nguyên E của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
234	Xác định kháng nguyên E của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
235	Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
236	Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
237	Xác định kháng nguyên e của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
238	Xác định kháng nguyên C ^w của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
239	Xác định kháng nguyên C ^w của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
240	Xác định kháng nguyên C ^w của hệ nhóm máu Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
241	Xác định kháng nguyên Di ^a của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		

Huyết học - Truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
242	Xác định kháng nguyên Di ^b của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
243	Xác định kháng nguyên Di ^a của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
244	Xác định kháng nguyên Di ^b của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
245	Xác định kháng nguyên Di ^a của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
246	Xác định kháng nguyên Di ^b của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
247	Xác định kháng nguyên Wr ^a của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
248	Xác định kháng nguyên Wr ^b của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
249	Xác định kháng nguyên Wr ^a của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
250	Xác định kháng nguyên Wr ^b của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
251	Xác định kháng nguyên Wr ^a của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
252	Xác định kháng nguyên Wr ^b của hệ nhóm máu Diago (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
253	Xác định kháng nguyên Xg ^a của hệ nhóm máu Xg (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
254	Xác định kháng nguyên Xg ^a của hệ nhóm máu Xg (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
255	Xác định kháng nguyên Xg ^a của hệ nhóm máu Xg (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
256	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
257	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
258	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
259	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
260	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
261	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
262	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 22 ⁰ C, 37 ⁰ C, kháng globulin người) bằng phương pháp Scangel/Gelcard	x	x		
263	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 22 ⁰ C, 37 ⁰ C, kháng globulin người) bằng phương pháp ống nghiệm	x	x		
264	Hiệu giá kháng thể miễn dịch (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
265	Hiệu giá kháng thể miễn dịch (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
266	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
267	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
268	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22 ⁰ C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
269	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22 ⁰ C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
270	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22 ⁰ C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
271	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37 ⁰ C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
272	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37 ⁰ C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
273	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37 ⁰ C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		

Huyết học - Truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
274	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
275	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
276	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
277	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
278	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
279	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
281	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
282	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x		
283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	x	x	x	
284	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	x	x	x	
285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
286	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
289	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
290	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
293	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) bằng công nghệ hồng cầu gắn từ	x	x		
294	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	x	x		
295	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
296	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x		
297	Xác định kháng nguyên D từng phần của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
298	Xác định kháng nguyên D từng phần của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x		
299	Xác định bản chất kháng thể đặc hiệu (IgG, IgA, IgM, C3d, C3c (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động khi nghiệm pháp Coombs trực tiếp/gián tiếp dương tính)	x	x		
300	Xác định bản chất kháng thể đặc hiệu (IgG, IgA, IgM, C3d, C3c (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động khi nghiệm pháp Coombs trực tiếp/gián tiếp dương tính)	x	x		
301	Xác định bản chất kháng thể đặc hiệu (IgG, IgA, IgM, C3d, C3c (Kỹ thuật ống nghiệm khi nghiệm pháp Coombs trực tiếp/gián tiếp dương tính)	x	x		
302	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
303	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
304	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
305	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn từ trên máy tự động)	x	x		
306	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
307	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
308	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	

Huyết học - Truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
309	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn từ trên máy tự động)	x	x		
310	Xác định kháng nguyên H (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
311	Xác định kháng nguyên H (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x		
312	Xác định nhóm máu A1 (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
313	Xác định nhóm máu A1 (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x		
314	Xác định kháng nguyên nhóm máu hệ hồng cầu bằng phương pháp sinh học phân tử (giả cho một loại kháng nguyên)	x	x		
315	Kỹ thuật hấp phụ kháng thể	x	x		
316	Kỹ thuật tách kháng thể	x	x		
	Đ. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC				
317	Kháng thể kháng histon (anti histon) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
318	Kháng thể kháng Scl 70 (anti Scl-70) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
319	Kháng thể Sm-Jo-1 (anti Sm-Jo-1) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
320	Kháng thể kháng Sm (anti Sm) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
321	Kháng thể kháng SS-A (kháng La) (anti SS-A) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
322	Kháng thể kháng SS-B (kháng Ro) (anti SS-B) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
323	Kháng thể kháng nDNA (anti-nDNA) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
324	Kháng thể kháng protein nhân (anti-RNP) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
325	Kháng thể kháng dsDNA (anti-dsDNA) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
326	Kháng thể kháng nhân (anti-ANA) bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
327	Kháng thể kháng dsDNA (anti-dsDNA) bằng kỹ thuật huỳnh quang	x	x		
328	Kháng thể kháng nhân (anti-ANA) bằng kỹ thuật huỳnh quang	x	x		
329	Phát hiện kháng thể kháng tiểu cầu bằng kỹ thuật Flow-cytometry	x	x		
330	Xét nghiệm HLA-B27 bằng kỹ thuật Flow-cytometry	x	x		
331	Đếm số lượng tế bào gốc (stem cell, CD34)	x	x		
332	Lympho cross match bằng kỹ thuật Flow-cytometry	x			
333	Phân loại miễn dịch bằng kỹ thuật Flow-cytometry	x	x		

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
334	Xét nghiệm chẩn đoán bệnh Bạch cầu cấp bằng kỹ thuật Flow-cytometry	x	x		
335	Đánh giá tồn lưu tế bào ác tính bằng kỹ thuật Flow-cytometry	x			
336	Xét nghiệm chẩn đoán bệnh tăng sinh ác tính dòng lympho bằng kỹ thuật Flow-cytometry	x	x		
337	Xét nghiệm chẩn đoán bệnh lý Plasmocyte bằng kỹ thuật Flow-cytometry	x	x		
338	Phân tích quần thể lympho bằng kỹ thuật dấu ấn miễn dịch (DAMD)	x			
339	Xác định chỉ số DNA index bằng kỹ thuật dấu ấn miễn dịch (DAMD)	x			
340	Đánh giá tiên lượng bệnh rối loạn sinh tủy bằng kỹ thuật Flow-cutometry	x			
341	Dấu ấn miễn dịch màng tế bào (bằng kỹ thuật huỳnh quang)	x			
342	Xét nghiệm đếm số lượng CD3 - CD4 - CD8	x	x		
343	Xét nghiệm CD55/59 bạch cầu (chẩn đoán bệnh Đái huyết sắc tố niệu kịch phát ban đêm)	x	x		
344	Xét nghiệm CD55/59 hồng cầu (chẩn đoán bệnh Đái huyết sắc tố niệu kịch phát ban đêm)	x	x		
345	Đếm số lượng tế bào gốc tạo máu trên máy Cytomics FC500	x			
346	Xét nghiệm FLAER (chẩn đoán bệnh Đái huyết sắc tố niệu kịch phát ban đêm)	x			
347	Xét nghiệm kháng thể kháng dsDNA (ngưng kết latex)	x	x	x	
348	Xét nghiệm Đường - Ham	x	x	x	
349	Điện di miễn dịch dịch não tủy	x	x		
350	Điện di miễn dịch nước tiểu	x	x		
351	Điện di miễn dịch huyết thanh	x	x		
352	Điện di huyết sắc tố	x	x	x	
353	Điện di protein huyết thanh	x	x		
354	Xét nghiệm tồn dư tối thiểu của bệnh nhân ung thư máu	x			
355	Đếm số lượng tế bào NK (Nature killer)	x			

Huyết học - Truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
356	Xét nghiệm PRA (panel reactive anti-body) bằng kỹ thuật ELISA	x			
357	Độ chéo trong ghép bằng kỹ thuật vi độc tế bào	x			
358	Xét nghiệm xác định kháng thể kháng tiểu cầu trực tiếp	x			
359	Xét nghiệm xác định kháng thể kháng tiểu cầu gián tiếp	x			
360	Định typ HLA-A độ phân giải cao (bằng kỹ thuật PCR-SSP)	x			
361	Định typ HLA-B độ phân giải cao (bằng kỹ thuật PCR-SSP)	x			
362	Định typ HLA-C độ phân giải cao (bằng kỹ thuật PCR-SSP)	x			
363	Định typ HLA-DR độ phân giải cao (bằng kỹ thuật PCR-SSP)	x			
364	Định typ HLA-DQ độ phân giải cao (bằng kỹ thuật PCR-SSP)	x			
365	Định typ HLA độ phân giải trung bình đến cao bằng kỹ thuật PCR-SSO trên hệ thống Luminex (cho cả 5 locus A, B, C, DR và DQ)	x			
366	Định typ HLA độ phân giải cao bằng kỹ thuật SBT trên hệ thống Miseq (cho cả 5 locus A, B, C, DR và DQ)	x			
367	Định lượng sắt hoạt tính trong huyết thanh (LPI-Labile Plasma Ion)	x			
368	Định lượng sắt không gắn Transferin huyết tương (NTBI - Non Transferin Bound Ion)	x			
369	ANA 17 profile test (sàng lọc và định danh đồng thời 17 typ kháng thể kháng nhân bằng thanh sắc ký miễn dịch)	x	x		
370	ANA 12 profile test (sàng lọc và định danh đồng thời 12 typ kháng thể kháng nhân bằng thanh sắc ký miễn dịch)	x	x		
371	Xét nghiệm panel Viêm gan tự miễn (phát hiện các typ kháng thể tự miễn đặc trưng trong bệnh viêm gan tự miễn bằng thanh sắc ký miễn dịch)	x	x		
372	Xét nghiệm panel Viêm đa cơ tự miễn (phát hiện các typ kháng thể tự miễn đặc trưng trong bệnh viêm đa cơ tự miễn bằng thanh sắc ký miễn dịch)	x	x		
373	Xét nghiệm panel Viêm mạch tự miễn (phát hiện các typ kháng thể tự miễn đặc trưng trong bệnh viêm mạch tự miễn bằng thanh sắc ký miễn dịch)	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
374	Xét nghiệm panel Viêm dạ dày - ruột tự miễn (phát hiện các typ kháng thể tự miễn đặc trưng trong bệnh viêm dạ dày - ruột tự miễn bằng thanh sắc ký miễn dịch)	x	x		
375	Anti phospholipid IgG và IgM (sàng lọc các kháng thể kháng phospholipid lớp IgG và IgM bằng kỹ thuật ELISA)	x	x		
376	Phân tích Myeloperoxidase nội bào	x			
377	DCIP test (Dichlorophenol-Indolphenol test dùng sàng lọc huyết sắc tố E)	x	x	x	
378	BCB test (Bright Cresyl Blue test dùng sàng lọc huyết sắc tố H)	x	x	x	
	E. DI TRUYỀN HUYẾT HỌC				
379	Xác định gen bằng kỹ thuật FISH	x			
380	Cấy chuyển dạng lympho cho xét nghiệm nhiễm sắc thể	x	x		
381	Công thức nhiễm sắc thể (Karyotype) tủy xương	x	x		
382	Công thức nhiễm sắc thể (Karyotype) máu ngoại vi	x	x		
383	Cấy hỗn hợp lympho	x	x		
384	Phát hiện gene bệnh Hemophilia (bằng kỹ thuật PCR-PFLP)	x			
385	Công thức nhiễm sắc thể (NST) từ tế bào ối	x			
386	FISH chẩn đoán NST 13, 18, 21, XY (chẩn đoán trước sinh)	x			
387	FISH chẩn đoán NST XY	x			
388	FISH chẩn đoán NST Ph1 (BCR/ ABL)	x			
389	FISH chẩn đoán hội chứng Prader Willi	x			
390	FISH chẩn đoán hội chứng De George	x			
391	FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 4;11	x			
392	FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 1;19	x			
393	FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 8;21	x			
394	FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 15;17	x			
395	PCR chẩn đoán yếu tố biệt hóa tinh hoàn (TDF)	x			
396	PCR chẩn đoán trước sinh yếu tố biệt hóa tinh hoàn (TDF)	x			
397	PCR chẩn đoán bệnh teo cơ tủy (SMA)	x			

Huyết học - Truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
398	Chẩn đoán trước sinh bệnh teo cơ tủy (SMA)	x			
399	PCR chẩn đoán bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne (DMD) - 25 exons	x			
400	MLPA chẩn đoán gene SH2D1A của hội chứng XLP	x			
401	PCR chẩn đoán trước sinh bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne (DMD) - 25 exons	x			
402	MLPA chẩn đoán bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne (DMD) - 79 exons	x			
403	MLPA chẩn đoán trước sinh bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne (DMD) - 79 exons	x			
404	PCR chẩn đoán bệnh beta thalassemia (08 đột biến)	x	x		
405	PCR chẩn đoán trước sinh bệnh beta thalassemia	x	x		
406	Giải trình tự gene chẩn đoán bệnh beta thalassemia	x			
407	Giải trình tự gene chẩn đoán trước sinh bệnh beta thalassemia	x			
408	Giải trình tự gene chẩn đoán bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh (CAH)	x			
409	Giải trình tự gene chẩn đoán trước sinh bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh (CAH)	x			
410	MLPA chẩn đoán bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh (CAH)	x			
411	MLPA chẩn đoán trước sinh bệnh Tăng sản thượng thận bẩm sinh (CAH)	x			
412	Giải trình tự gene Perforin (PRF1) bệnh HLH	x			
413	Giải trình tự gene Perforin (PRF1) chẩn đoán trước sinh bệnh HLH	x			
414	MLPA chẩn đoán trước sinh gene SH2D1A của hội chứng XLP	x			
415	Giải trình tự gene SH2D1A của hội chứng XLP	x			
416	Giải trình tự gene chẩn đoán trước sinh gene SH2D1A	x			
417	PCR chẩn đoán 04 đột biến bệnh Thiếu hụt Citrin	x			
418	PCR chẩn đoán trước sinh 04 đột biến thiếu hụt Citrin	x			
419	PCR chẩn đoán chuyển đoạn Philadelphia (BCR/ABL) P210	x			
420	PCR chẩn đoán chuyển đoạn Philadelphia (BCR/ABL) P190	x			
421	Định lượng gen bệnh máu ác tính bằng kỹ thuật Real - Time PCR	x			

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
422	Định lượng tế bào người cho ở người nhận sau ghép bằng kỹ thuật Real - Time PCR	x			
423	Theo dõi bệnh tồn dư tối thiểu bằng kỹ thuật Real - Time PCR	x			
424	Xét nghiệm phát hiện gen bệnh lý Lơ xê mi (1 gen) bằng kỹ thuật RT - PCR	x			
425	Phát hiện gene JAK2 V617F trong nhóm bệnh tăng sinh tủy bằng kỹ thuật Allen-specific PCR	x			
426	Xét nghiệm phát hiện đột biến gene bằng kỹ thuật Multiplex PCR (phát hiện cùng lúc 4 đột biến)	x			
427	Xét nghiệm giải trình tự gene	x			
428	Định lượng virus Cytomegalo (CMV) bằng kỹ thuật Real Time PCR	x			
429	Phát hiện đột biến Intron18/BCL1 bằng kỹ thuật PCR RFLP	x			
430	Phát hiện đảo đoạn intron22 của gen yếu tố VIII bệnh Hemophilia bằng kỹ thuật longrange PCR	x			
431	Xác định gen bệnh máu bằng kỹ thuật RT-PCR	x			
432	Xác định gen AML1/ETO bằng kỹ thuật RT-PCR	x			
433	Xác định gen CBF β /MYH11 bằng kỹ thuật RT-PCR	x			
434	Xác định gen PML/RAR α bằng kỹ thuật RT-PCR	x			
435	Xác định gen TEL/AML1 bằng kỹ thuật RT-PCR	x			
436	Xác định gen E2A/PBX1 bằng kỹ thuật RT-PCR	x			
437	Xác định gen MLL/AF4 bằng kỹ thuật RT-PCR	x			
438	Xác định gen NPM1-A bằng kỹ thuật Allen specific -PCR	x			
439	Xác định gen FLT3-ITD bằng kỹ thuật PCR	x			
440	Xét nghiệm HLA-B27 bằng kỹ thuật sinh học phân tử	x			
441	Xác định gen IGH-MMSET (của chuyển đoạn t(4;14) bằng kỹ thuật PCR	x			
442	Xét nghiệm kháng đột biến Imatinib T325I bằng kỹ thuật Allen-specific PCR	x			
443	Xét nghiệm trao đổi nhiễm sắc tử chị em	x			
444	Xét nghiệm phát hiện nhiễm sắc thể X dễ gãy	x			

Huyết học - Truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
445	Xét nghiệm phát hiện biểu hiện gen (GEP: gen expression profiling)	x			
446	Xét nghiệm xác định đột biến Thalassemia (phát hiện đồng thời 21 đột biến α -Thalassemia hoặc 22 đột biến β -Thalassemia)	x			
447	Xét nghiệm gen phát hiện các allele phổ biến của HLA B27	x			
448	Xác định gen bệnh máu bằng kỹ thuật cIg FISH	x			
449	Xét nghiệm giải trình tự gen trên hệ thống Miseq	x			
450	Xác định đột biến gen trong rối loạn chuyển hóa sắt	x			
451	Xét nghiệm gen sàng lọc nguy cơ huyết khối	x			
452	Xét nghiệm gen sàng lọc nguy cơ xơ vữa động mạch	x			
453	Xét nghiệm gen liên quan đến chuyển hóa thuốc Thiopurin	x			
454	Xét nghiệm gen liên quan đến chuyển hóa Coumarin	x			
455	Phát hiện gen bệnh Thalassemia bằng kỹ thuật PCR-RFLP	x			
	G. TRUYỀN MÁU				
456	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu	x	x		
457	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu	x	x	x	
458	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
459	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật hóa phát quang	x	x		
460	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật NAT	x			
461	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
462	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật RPR	x	x		
463	Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ngưng kết hồng cầu/vi hạt thụ động	x	x		
464	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
465	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật miễn dịch thấm	x	x		

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
466	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giêmsa soi kính hiển vi	x	x	x	x
467	Xét nghiệm sàng lọc CMV đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA	x	x		
468	Xét nghiệm sàng lọc CMV đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật hóa phát quang	x	x		
469	Xét nghiệm sàng lọc CMV đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật PCR/NAT	x			
470	Xét nghiệm sàng lọc kháng thể bất thường đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu (Kỹ thuật men tiêu protein/antiglobulin thực hiện thủ công hoặc trên máy bán tự động, máy tự động)	x	x		
471	Lọc bạch cầu trong máu toàn phần	x	x		
472	Chiếu xạ máu toàn phần và các thành phần máu	x			
473	Điều chế khối hồng cầu đậm đặc	x	x		
474	Điều chế khối hồng cầu có dung dịch bảo quản	x	x		
475	Điều chế khối hồng cầu giảm bạch cầu	x	x		
476	Điều chế khối hồng cầu rửa	x	x		
477	Điều chế khối hồng cầu lọc bạch cầu	x	x		
478	Điều chế huyết tương giàu tiểu cầu	x	x		
479	Điều chế khối tiểu cầu pool	x	x		
480	Điều chế khối tiểu cầu gan tách từ một người cho	x	x		
481	Điều chế khối tiểu cầu giảm bạch cầu	x	x		
482	Điều chế khối tiểu cầu lọc bạch cầu	x	x		
483	Điều chế khối bạch cầu	x	x		
484	Điều chế huyết tương tươi	x	x		
485	Điều chế huyết tương tươi đông lạnh	x	x		
486	Điều chế tủa lạnh	x	x		
487	Rửa hồng cầu/tiểu cầu bằng máy ly tâm lạnh	x	x		
488	Rửa hồng cầu bằng máy tự động	x			
489	Lọc bạch cầu trong máu toàn phần	x	x		

Huyết học - Truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
490	Lọc bạch cầu trong khối hồng cầu	x	x		
491	Lọc bạch cầu trong khối tiểu cầu	x	x		
492	Đông lạnh hồng cầu, tiểu cầu ở quây lạnh	x			
493	Đông lạnh hồng cầu, tiểu cầu trong nitơ lỏng	x			
494	Loại bỏ glycerol trong khối hồng cầu đông lạnh	x			
495	Chiếu tia tử ngoại, hồng ngoại bất hoạt virus trong khối hồng cầu, khối tiểu cầu	x			
496	Bất hoạt virus trong chế phẩm huyết tương bằng hóa chất	x			
497	Bất hoạt virus trong chế phẩm huyết tương bằng nhiệt	x			
498	Điều chế chế phẩm máu (khối hồng cầu) để thay máu cho bệnh nhân sơ sinh tan máu do bị bất đồng nhóm máu mẹ con	x	x		
	H. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG				
499	Rút máu để điều trị	x	x	x	
500	Truyền thay máu	x	x		
501	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)	x	x	x	
502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	x	x	x	
503	Gạn bạch cầu điều trị	x	x		
504	Gạn tiểu cầu điều trị	x	x		
505	Gạn hồng cầu điều trị	x	x		
506	Trao đổi huyết tương điều trị	x	x		
507	Lọc máu liên tục	x	x		
508	Đặt catheter cố định đường tĩnh mạch trung tâm	x	x		
509	Chăm sóc catheter cố định	x	x		
510	Truyền thuốc chống ung thư đường tĩnh mạch	x	x		
511	Chăm sóc bệnh nhân điều trị trong phòng vô trùng	x	x		
512	Thử phản ứng với globulin kháng tuyến ức, kháng lympho (ATG, ALG) trên bệnh nhân	x	x		
513	Ghép tế bào gốc tạo máu tự thân	x	x		
514	Ghép tế bào gốc tạo máu đồng loại	x	x		

Huyết học - truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
515	Thủ thuật chọc tủy sống tiêm hóa chất nội tủy	x			
516	Thủ thuật chọc tủy sống lấy dịch não tủy làm xét nghiệm	x	x		
517	Chẩn đoán trước sinh cho các bệnh máu bẩm sinh	x			
	I. TẾ BÀO GỐC				
518	Khám tuyển chọn người hiến tế bào gốc	x			
519	Thu thập máu dây rốn để phân lập tế bào gốc	x			
520	Gạn tách tế bào gốc từ máu ngoại vi bằng máy tự động	x			
521	Thu thập dịch tủy xương để phân lập tế bào gốc	x			
522	Phân lập tế bào gốc bằng ly tâm túi đeo	x			
523	Phân lập tế bào gốc bằng phương pháp ly tâm có sử dụng HES	x			
524	Phân lập tế bào gốc bằng ống Falcon 50 ml, không dùng hóa chất	x			
525	Phân lập tế bào gốc bằng ống chuyên dụng RES-Q60	x			
526	Phân lập tế bào gốc bằng phương pháp ly tâm có sử dụng Filcoll	x			
527	Phân lập tế bào gốc bằng hệ thống máy tự động Sepax	x			
528	Phân lập tế bào gốc bằng hệ thống máy tự động AXP	x			
529	Phân lập tế bào gốc bằng hệ thống máy tự động Comtex	x			
530	Thu thập và phân lập tế bào gốc từ dịch tủy xương bằng máy Harvest Terumo	x			
531	Nuôi cấy cụm tế bào gốc (colony firming culture)	x			
532	Đông lạnh khối tế bào gốc bằng hệ thống hạ nhiệt độ	x			
533	Bảo quản khối tế bào gốc đông lạnh bằng bình chứa Nitơ lỏng	x			
534	Rã đông khối tế bào gốc đông lạnh bằng bình cách thủy	x			
535	Phân lập tế bào gốc trung mô	x			
536	Thu hoạch dịch tủy xương	x			
537	Thu gom tế bào đơn nhân máu ngoại vi bằng máy tự động	x			
538	Giảm huyết tương trong tủy xương và các tế bào gốc tạo máu từ apheresis	x			
539	Hướng dẫn loại bỏ hồng cầu bằng lắng đọng hydroxyethyl starch (HES)	x			
540	Giảm thể tích tế bào gốc máu ngoại vi để bảo quản lạnh	x			

Huyết học - Truyền máu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
541	Phân tách Buffy-Coat tủy xương sử dụng máy COBE 2991	x			
542	Xử lý làm giàu tế bào đơn nhân tủy xương bằng máy tự động (Biosafe Sepax, COBE Spectra hoặc COMTEX Fresenius)	x			
543	Xử lý tự động máu dây rốn với hệ thống Biosafe Sepax và phụ kiện	x			
544	Xử lý tự động máu dây rốn với hệ thống AXP	x			
545	Đông lạnh sản phẩm tế bào trị liệu trong túi đông lạnh	x			
546	Lưu trữ đông lạnh máu dây rốn	x			
547	Lưu trữ đông lạnh tế bào gốc máu ngoại vi, tủy xương	x			
548	Hạ lạnh kiểm soát tốc độ, lưu trữ và lấy ra tự động mẫu máu dây rốn đã giảm thể tích bằng hệ thống BioArchive	x			
549	Vận chuyển mẫu tế bào gốc đông lạnh	x			
550	Vận chuyển mẫu máu dây rốn đông lạnh	x			
551	Rã đông mẫu tế bào gốc tạo máu: Phòng thí nghiệm và cạnh giường bệnh	x			
552	Quy trình rã đông sản phẩm máu dây rốn đông lạnh để truyền	x			
553	Quy trình lọc đối với các sản phẩm apheresis tế bào trị liệu	x			
554	Rửa mẫu tế bào gốc tạo máu đông lạnh để loại bỏ dimethyl sulfoxide (DMSO)	x			
555	Rửa sản phẩm tế bào gốc sau bảo quản bằng máy Sepax	x			
556	Rửa sản phẩm tế bào trị liệu bằng máy COBE 2991	x			
557	Chọn lọc các tế bào CD34+ sử dụng hệ thống lựa chọn tế bào từ tính Isolex 300i	x			
558	Chọn lọc các tế bào CD34+ sử dụng hệ thống CliniMACS	x			
559	Làm giàu bạch cầu đơn nhân sử dụng hệ thống tách tế bào Elutra	x			
560	Tăng sinh ngoài cơ thể tế bào gốc tạo máu chọn lọc từ máu dây rốn	x			
561	Phân lập và biệt hóa các tế bào gốc trung mô hay mô đệm từ tủy xương	x			
562	Phân lập và biệt hóa các tế bào gốc trung mô hay mô đệm từ máu dây rốn	x			
563	Phân lập và biệt hóa các tế bào gốc trung mô hay mô đệm từ mô mỡ	x			
564	Phân lập và biệt hóa tế bào đuôi gai người cho trị liệu tế bào	x			

Huyết học - truyền máu

XXIII. HÓA SINH

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. MÁU				
1	Đo hoạt độ ACP (Phosphatase Acid)	X			
2	Định lượng ACTH (Adrenocorticotropic hormone)	X			
3	Định lượng Acid Uric	X	X	X	
4	Định lượng ADH (Anti Diuretic Hormone)	X			
5	Định lượng Adiponectin	X			
6	Định lượng Aldosteron	X			
7	Định lượng Albumin	X	X	X	
8	Định lượng Alpha1 Antitrypsin	X			
9	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	X	X	X	
10	Đo hoạt độ Amylase	X	X	X	
11	Định lượng Amoniac (NH ₃)	X	X		
12	Định lượng AMH (Anti-Mullerian Hormone)	X			
13	Định lượng Anti CCP	X			
14	Định lượng Anti-Tg (Antibody-Thyroglobulin)	X	X		
15	Định lượng Anti - TPO (Anti-thyroid Peroxidase antibodies)	X	X		
16	Định lượng Apo A1 (Apolipoprotein A1)	X			
17	Định lượng Apo B (Apolipoprotein B)	X			
18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	X	X		
19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	X	X	X	
20	Đo hoạt độ AST (GOT)	X	X	X	
21	Định lượng α 1 Acid Glycoprotein	X			
22	Định lượng β 2 microglobulin	X			
23	Định lượng Beta Crosslap	X			
24	Định lượng β hCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	X	X		
25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	X	X	X	
26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	X	X	X	
27	Định lượng Bilirubin toàn phần	X	X	X	
28	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide)	X	X		
29	Định lượng Calci toàn phần	X	X	X	
30	Định lượng Calci ion hóa	X	X	X	

Hóa sinh

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
31	Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc	x	x		
32	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	x	x		
33	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	x	x		
34	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)	x	x		
35	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)	x	x		
36	Định lượng Calcitonin	x	x		
37	Định lượng Carbamazepin	x			
38	Định lượng Ceruloplasmin	x	x		
39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x	x		
40	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)	x	x	x	
41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
42	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	x	x		
43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	x	x		
44	Định lượng CK-MB mass	x	x		
45	Định lượng C-Peptid	x	x	x	
46	Định lượng Cortisol	x	x		
47	Định lượng Cystatine C	x	x		
48	Định lượng bổ thể C3	x	x		
49	Định lượng bổ thể C4	x	x		
50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity)	x	x	x	
51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
52	Định lượng Cyfra 21- 1	x	x		
53	Định lượng Cyclosporin	x			
54	Định lượng D-Dimer	x			
55	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	x			
56	Định lượng Digoxin	x			
57	Định lượng Digitoxin	x			
58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x	
59	Định lượng FABP (Fatty Acid Binding Protein)	x			
60	Định lượng Ethanol (cồn)	x	x		
61	Định lượng Estradiol	x	x		
62	Định lượng E3 không liên hợp (Unconjugated Estriol)	x			
63	Định lượng Ferritin	x	x		

Hóa sinh

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
64	Định lượng Fructosamin	x			
65	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)	x	x		
66	Định lượng free β HCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin)	x	x		
67	Định lượng Folate	x	x		
68	Định lượng FT ₃ (Free Triiodothyronine)	x	x		
69	Định lượng FT ₄ (Free Thyroxine)	x	x		
70	Định lượng Galectin 3	x			
71	Định lượng Gastrin	x			
72	Đo hoạt độ G6PD (Glucose-6 phosphat dehydrogenase)	x	x		
73	Định lượng GH (Growth Hormone)	x			
74	Đo hoạt độ GLDH (Glutamat dehydrogenase)	x	x		
75	Định lượng Glucose	x	x	x	
76	Định lượng Globulin	x	x	x	
77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x	x	
78	Định lượng GLP-1	x			
79	Định lượng Gentamicin	x			
80	Định lượng Haptoglobulin	x			
81	Định lượng HBsAg (HBsAg Quantitative) (CMIA/ECLIA)	x			
82	Đo hoạt độ HBDH (Hydroxy butyrat dehydrogenase)	x			
83	Định lượng HbA1c	x	x	x	
84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
85	Định lượng HE4	x			
86	Định lượng Homocystein	x			
87	Định lượng IL-1 α (Interleukin 1 α)	x			
88	Định lượng IL-1 β (Interleukin 1 β)	x			
89	Định lượng IL-6 (Interleukin 6)	x			
90	Định lượng IL-8 (Interleukin 8)	x			
91	Định lượng IL-10 (Interleukin 10)	x			
92	Định lượng IgE Cat Specific (E1)	x	x		
93	Định lượng IgE (Immunoglobuline E)	x	x		
94	Định lượng IgA (Immunoglobuline A)	x	x		
95	Định lượng IgG (Immunoglobuline G)	x	x		

Hóa sinh

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
96	Định lượng IgM (Immunoglobuline M)	x	x		
97	Định lượng IGFBP-3 (Insulin like growth factor binding protein 3)	x			
98	Định lượng Insulin	x	x		
99	Điện di Isozym - LDH	x			
100	Định lượng IMA (Ischemia Modified Albumin)	x			
101	Định lượng Kappa	x			
102	Định lượng Kappa tự do (Free kappa)	x			
103	Xét nghiệm Khí máu	x	x		
104	Định lượng Lactat (Acid Lactic)	x	x		
105	Định lượng Lambda	x			
106	Định lượng Lambda tự do (Free Lambda)	x			
107	Định lượng Leptin human	x			
108	Điện di LDL/HDL Cholesterol	x			
109	Đo hoạt độ Lipase	x	x		
110	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)	x	x		
111	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	x	x		
112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
113	Điện di Lipoprotein	x			
114	Định lượng Lp-PLA2 (Lipoprotein Associated Phospholipase A2)	x			
115	Định lượng Malondialdehyd (MDA)	x			
116	Đo hoạt độ MPO	x			
117	Định lượng Myoglobin	x	x		
118	Định lượng Mg	x	x		
119	Định lượng N-MID Osteocalcin	x			
120	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase)	x	x		
121	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	x	x		
122	Đo hoạt độ P-Amylase	x			
123	Định lượng PAPP-A	x			
124	Định lượng Pepsinogen I	x			
125	Định lượng Pepsinogen II	x			
126	Định lượng Phenobarbital	x			
127	Định lượng Phenytoin	x			
128	Định lượng Phospho	x	x	x	

Hóa sinh

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
129	Định lượng Pre-albumin	X	X		
130	Định lượng Pro-calcitonin	X	X		
131	Định lượng Prolactin	X	X		
132	Điện di Protein (máy tự động)	X	X		
133	Định lượng Protein toàn phần	X	X	X	
134	Định lượng Progesteron	X	X		
135	Định lượng Procainnamid	X			
136	Định lượng Protein S100	X			
137	Định lượng Pro-GRP (Pro-Gastrin-Releasing Peptide)	X			
138	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	X	X		
139	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	X	X		
140	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon)	X	X		
141	Định lượng Renin activity	X			
142	Định lượng RF (Reumatoid Factor)	X	X		
143	Định lượng Sắt	X	X	X	
144	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)	X			
145	Định lượng SHBG (Sex hormon binding globulin)	X			
146	Định lượng Sperm Antibody	X			
147	Định lượng T ₃ (Tri iodothyronine)	X	X		
148	Định lượng T ₄ (Thyroxine)	X	X		
149	Định lượng s TfR (Soluble transferin receptor)	X			
150	Định lượng Tacrolimus	X			
151	Định lượng Testosterol	X	X		
152	Định lượng TGF β 1 (Transforming Growth Factor Beta 1)	X			
153	Định lượng TGF β 2 (Transforming Growth Factor Beta 2)	X			
154	Định lượng Tg (Thyroglobulin)	X	X		
155	Định lượng Theophylline	X			
156	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies)	X	X		
157	Định lượng Transferin	X	X		
158	Định lượng Triglycerid	X	X	X	
159	Định lượng Troponin T	X	X		
160	Định lượng Troponin Ths	X	X		
161	Định lượng Troponin I	X	X		

Hóa sinh

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	x	x		
163	Định lượng Tobramycin	x			
164	Định lượng Total pINP	x			
165	Định lượng T-uptake	x			
166	Định lượng Urê	x	x	x	
167	Định lượng Valproic Acid	x			
168	Định lượng Vancomycin	x			
169	Định lượng Vitamin B ₁₂	x	x		
170	Định lượng yếu tố tân tạo mạch máu (PLGF - Placental Growth Factor)	x			
171	Định lượng yếu tố kháng tân tạo mạch máu (sFlt-1-soluble FMS like tyrosinkinase-1)	x			
	B. NƯỚC TIỂU				
172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	x	x	x	
173	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x	x	x	x
174	Định lượng Amphetamine	x	x	x	
175	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
176	Định lượng Axit Uric	x	x	x	
177	Định lượng Barbiturates	x	x		
178	Định lượng Benzodiazepin	x	x		
179	Định tính beta hCG (test nhanh)	x	x	x	x
180	Định lượng Canxi	x	x	x	
181	Định lượng Catecholamin	x	x		
182	Định lượng Cocaine	x			
183	Định lượng Cortisol	x	x		
184	Định lượng Creatinin	x	x	x	
185	Định lượng Dưỡng chấp	x	x	x	
186	Định tính Dưỡng chấp	x	x	x	
187	Định lượng Glucose	x	x	x	
188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	x	x	x	x
189	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine)	x	x		
190	Định lượng Methadone	x			
191	Định lượng NGAL (Neutrophil Gelatinase-Associated Lipocalin)	x			
192	Định lượng Opiate	x	x		

Hóa sinh

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
193	Định tính Opiate (test nhanh)	X	X	X	X
194	Định tính Morphin (test nhanh)	X	X	X	X
195	Định tính Codein (test nhanh)	X	X	X	X
196	Định tính Heroin (test nhanh)	X	X	X	X
197	Định lượng Phospho	X	X	X	
198	Định tính Phospho hữu cơ	X	X	X	X
199	Định tính Porphyrin	X	X	X	X
200	Điện di Protein nước tiểu (máy tự động)	X			
201	Định lượng Protein	X	X	X	
202	Định tính Protein Bence -jones	X	X	X	X
203	Định tính Rotunda	X			
204	Định lượng THC (Canabionids)	X			
205	Định lượng Ure	X	X	X	
206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	X	X	X	X
	C. DỊCH NÃO TỦY				
207	Định lượng Clo	X	X	X	
208	Định lượng Glucose	X	X	X	
209	Phản ứng Pandy	X	X	X	
210	Định lượng Protein	X	X	X	
	D. THỦY DỊCH MẮT				
211	Định lượng Albumin	X	X		
212	Định lượng Globulin	X	X		
	E. DỊCH CHỌC DỖ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)				
213	Đo hoạt độ Amylase	X	X		
214	Định lượng Bilirubin toàn phần	X	X	X	
215	Định lượng Cholesterol toàn phần	X	X	X	
216	Định lượng Creatinin	X	X	X	
217	Định lượng Glucose	X	X	X	
218	Đo hoạt độ LDH	X	X		
219	Định lượng Protein	X	X	X	
220	Phản ứng Rivalta	X	X	X	
221	Định lượng Triglycerid	X	X	X	
222	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	X	X	X	
223	Định lượng Ure	X	X	X	

Hóa sinh

XXIV. VI SINH

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. VI KHUẨN				
	1. Vi khuẩn chung				
1	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x
2	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	x
3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x	x	x	
4	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	x	x		
5	Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động	x	x		
6	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	x	x	x	
7	Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động	x	x		
8	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	x	x		
9	Vi khuẩn kháng sinh phối hợp	x	x		
10	Vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy và định danh	x	x		
11	Vi khuẩn khẳng định	x	x		
12	Vi khuẩn định danh PCR	x	x		
13	Vi khuẩn định danh giải trình tự gene	x	x		
14	Vi khuẩn kháng thuốc PCR	x	x		
15	Vi khuẩn kháng thuốc giải trình tự gene	x	x		
16	Vi hệ đường ruột	x	x	x	x
	2. Mycobacteria				
17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	x	x	x	x
18	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang	x	x	x	
19	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> nuôi cấy môi trường lỏng	x	x		
20	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> nuôi cấy môi trường đặc	x	x		
21	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Mantoux	x	x	x	x
22	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> kháng thuốc hàng 1 môi trường đặc	x	x		
23	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> kháng thuốc hàng 1 môi trường lỏng	x	x		
24	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> kháng thuốc hàng 2 môi trường đặc	x	x		
25	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> kháng thuốc hàng 2 môi trường lỏng	x	x		
26	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> kháng thuốc PZA môi trường lỏng	x	x		

Vi sinh - Ký sinh trùng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
27	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> pyrazinamidase	x	x		
28	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> định danh và kháng RMP Xpert	x	x	x	
29	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> đa kháng LPA	x	x		
30	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> siêu kháng LPA	x	x		
31	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> PCR hệ thống tự động	x	x		
32	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Real-time PCR	x	x		
33	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> spoligotyping	x	x		
34	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> RFLP typing	x	x		
35	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) nuôi cấy môi trường lỏng	x	x		
36	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) nuôi cấy môi trường đặc	x	x		
37	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) định danh LPA	x	x		
38	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) định danh Real-time PCR	x	x		
39	<i>Mycobacterium leprae</i> nhuộm soi	x	x	x	
40	<i>Mycobacterium leprae</i> PCR	x	x		
41	<i>Mycobacterium leprae</i> mảnh sinh thiết	x	x		
	3. Vibrio cholerae				
42	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi	x	x	x	x
43	<i>Vibrio cholerae</i> nhuộm soi	x	x	x	x
44	<i>Vibrio cholerae</i> nhuộm huỳnh quang	x	x		
45	<i>Vibrio cholerae</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x		
46	<i>Vibrio cholerae</i> PCR	x	x		
47	<i>Vibrio cholerae</i> Real-time PCR	x	x		
48	<i>Vibrio cholerae</i> giải trình tự gene	x	x		
	4. Neisseria gonorrhoeae				
49	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi	x	x	x	x
50	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x		
51	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> PCR	x	x		
52	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> Real-time PCR	x	x		
53	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> Real-time PCR hệ thống tự động	x	x		
54	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> kháng thuốc PCR	x	x		
55	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> kháng thuốc giải trình tự gene	x	x		

Vì sinh - Ký sinh trùng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	5. <i>Neisseria meningitidis</i>				
56	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi	x	x	x	x
57	<i>Neisseria meningitidis</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x		
58	<i>Neisseria meningitidis</i> PCR	x	x		
59	<i>Neisseria meningitidis</i> Real-time PCR	x	x		
	6. Các vi khuẩn khác				
60	<i>Chlamydia</i> test nhanh	x	x	x	x
61	<i>Chlamydia</i> nhuộm huỳnh quang	x	x		
62	<i>Chlamydia</i> Ab miễn dịch bán tự động	x	x		
63	<i>Chlamydia</i> Ab miễn dịch tự động	x	x		
64	<i>Chlamydia</i> PCR	x	x		
65	<i>Chlamydia</i> Real-time PCR	x	x		
66	<i>Chlamydia</i> Real-time PCR hệ thống tự động	x	x		
67	<i>Chlamydia</i> giải trình tự gene	x	x		
68	<i>Clostridium</i> nuôi cấy, định danh	x	x		
69	<i>Clostridium difficile</i> miễn dịch bán tự động	x	x		
70	<i>Clostridium difficile</i> miễn dịch tự động	x	x		
71	<i>Clostridium difficile</i> PCR	x	x		
72	<i>Helicobacter pylori</i> nhuộm soi	x	x		
73	<i>Helicobacter pylori</i> Ag test nhanh	x	x	x	x
74	<i>Helicobacter pylori</i> Ab test nhanh	x	x	x	x
75	<i>Helicobacter pylori</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x		
76	<i>Helicobacter pylori</i> Ab miễn dịch bán tự động	x	x		
77	<i>Helicobacter pylori</i> PCR	x	x		
78	<i>Helicobacter pylori</i> Real-time PCR	x	x		
79	<i>Helicobacter pylori</i> giải trình tự gene	x	x		
80	<i>Leptospira</i> test nhanh	x	x	x	x
81	<i>Leptospira</i> PCR	x	x		
82	<i>Mycoplasma pneumoniae</i> Ab miễn dịch bán tự động	x	x		
83	<i>Mycoplasma pneumoniae</i> Ab miễn dịch tự động	x	x		

Vi sinh - Ký sinh trùng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
84	<i>Mycoplasma pneumoniae</i> Real-time PCR	x	x		
85	<i>Mycoplasma hominis</i> test nhanh	x	x	x	x
86	<i>Mycoplasma hominis</i> nhuộm huỳnh quang	x	x		
87	<i>Mycoplasma hominis</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x		
88	<i>Mycoplasma hominis</i> PCR	x	x		
89	<i>Mycoplasma hominis</i> Real-time PCR	x	x		
90	<i>Rickettsia</i> Ab miễn dịch bán tự động	x	x		
91	<i>Rickettsia</i> Ab miễn dịch tự động	x	x		
92	<i>Rickettsia</i> PCR	x	x		
93	<i>Salmonella</i> Widal	x	x	x	
94	<i>Streptococcus pyogenes</i> ASO	x	x	x	x
95	<i>Treponema pallidum</i> soi tươi	x	x	x	x
96	<i>Treponema pallidum</i> nhuộm soi	x	x	x	
97	<i>Treponema pallidum</i> nhuộm huỳnh quang	x	x		
98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh	x	x	x	x
99	<i>Treponema pallidum</i> RPR định tính và định lượng	x	x		
100	<i>Treponema pallidum</i> TPHA định tính và định lượng	x	x		
101	<i>Treponema pallidum</i> PCR	x	x		
102	<i>Treponema pallidum</i> Real-time PCR	x	x		
103	<i>Ureaplasma urealyticum</i> test nhanh	x	x	x	
104	<i>Ureaplasma urealyticum</i> nhuộm huỳnh quang	x	x		
105	<i>Ureaplasma urealyticum</i> nuôi cấy, định danh và kháng thuốc	x	x		
106	<i>Ureaplasma urealyticum</i> PCR	x	x		
107	<i>Ureaplasma urealyticum</i> Real-time PCR	x	x		
	B. VIRUS				
	1. Virus chung				
108	Virus test nhanh	x	x	x	x
109	Virus Ag miễn dịch bán tự động	x	x		
110	Virus Ag miễn dịch tự động	x	x		
111	Virus Ab miễn dịch bán tự động	x	x		

Vi sinh - Ký sinh trùng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
112	Virus Ab miễn dịch tự động	x	x		
113	Virus Xpert	x	x	x	
114	Virus PCR	x	x		
115	Virus Real-time PCR	x	x		
116	Virus giải trình tự gene	x	x		
	2. Hepatitis virus				
117	HBsAg test nhanh	x	x	x	x
118	HBsAg miễn dịch bán tự động	x	x	x	
119	HBsAg miễn dịch tự động	x	x		
120	HBsAg khẳng định	x	x		
121	HBsAg định lượng	x	x		
122	HBsAb test nhanh	x	x	x	x
123	HBsAb miễn dịch bán tự động	x	x	x	
124	HBsAb định lượng	x	x		
125	HBc IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
126	HBc IgM miễn dịch tự động	x	x		
127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x
128	HBc total miễn dịch bán tự động	x	x	x	
129	HBc total miễn dịch tự động	x	x		
130	HBeAg test nhanh	x	x	x	x
131	HBeAg miễn dịch bán tự động	x	x	x	
132	HBeAg miễn dịch tự động	x	x		
133	HBeAb test nhanh	x	x	x	x
134	HBeAb miễn dịch bán tự động	x	x	x	
135	HBeAb miễn dịch tự động	x	x		
136	HBV đo tải lượng Real-time PCR	x	x		
137	HBV đo tải lượng hệ thống tự động	x	x		
138	HBV cccDNA	x	x		
139	HBV genotype PCR	x	x		
140	HBV genotype Real-time PCR	x	x		

Vi sinh - Ký sinh trùng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
141	HBV genotype giải trình tự gene	x	x		
142	HBV kháng thuốc Real-time PCR (cho 1 loại thuốc)	x	x		
143	HBV kháng thuốc giải trình tự gene	x	x		
144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x
145	HCV Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
146	HCV Ab miễn dịch tự động	x	x		
147	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
148	HCV Ag/Ab miễn dịch tự động	x	x		
149	HCV Core Ag miễn dịch tự động	x	x		
150	HCV PCR	x	x		
151	HCV đo tải lượng Real-time PCR	x	x		
152	HCV đo tải lượng hệ thống tự động	x	x		
153	HCV genotype Real-time PCR	x	x		
154	HCV genotype giải trình tự gene	x	x		
155	HAV Ab test nhanh	x	x	x	x
156	HAV IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
157	HAV IgM miễn dịch tự động	x	x		
158	HAV total miễn dịch bán tự động	x	x	x	
159	HAV total miễn dịch tự động	x	x		
160	HDV Ag miễn dịch bán tự động	x	x	x	
161	HDV IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
162	HDV Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
163	HEV Ab test nhanh	x	x	x	x
164	HEV IgM test nhanh	x	x	x	x
165	HEV IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
166	HEV IgM miễn dịch tự động	x	x		
167	HEV IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x	
168	HEV IgG miễn dịch tự động	x	x	x	
	3. HIV				
169	HIV Ab test nhanh	x	x	x	x
170	HIV Ag/Ab test nhanh	x	x	x	x

Vi sinh - Ký sinh trùng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
171	HIV Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
172	HIV Ab miễn dịch tự động	x	x		
173	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
174	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	x	x	x	
175	HIV khẳng định (*)	x	x		
176	HIV Ab Western blot	x			
177	HIV DNA PCR	x			
178	HIV DNA Real-time PCR	x			
179	HIV đo tải lượng Real-time PCR	x	x		
180	HIV đo tải lượng hệ thống tự động	x	x		
181	HIV kháng thuốc giải trình tự gene	x	x		
182	HIV genotype giải trình tự gene	x	x		
	4. Dengue virus				
183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	x
184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
185	Dengue virus IgA test nhanh	x	x	x	x
186	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động	x	x	x	
187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
188	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
189	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x	
190	Dengue virus PCR	x	x		
191	Dengue virus Real-time PCR	x	x		
192	Dengue virus serotype PCR	x	x		
	5. Herpesviridae				
193	CMV IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
194	CMV IgM miễn dịch tự động	x	x		
195	CMV IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x	
196	CMV IgG miễn dịch tự động	x	x		
197	CMV PCR	x	x		
198	CMV Real-time PCR	x	x		

Vi sinh - Ký sinh trùng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
199	CMV đo tải lượng hệ thống tự động	x	x		
200	CMV Avidity	x	x		
201	HSV 1 IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
202	HSV 1 IgM miễn dịch tự động	x	x		
203	HSV 1 IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x	
204	HSV 1 IgG miễn dịch tự động	x	x		
205	HSV 2 IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
206	HSV 2 IgM miễn dịch tự động	x	x		
207	HSV 2 IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x	
208	HSV 2 IgG miễn dịch tự động	x	x		
209	HSV 1+2 IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
210	HSV 1+2 IgM miễn dịch tự động	x	x		
211	HSV 1+2 IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x	
212	HSV 1+2 IgG miễn dịch tự động	x	x		
213	HSV Real-time PCR	x	x		
214	HSV đo tải lượng hệ thống tự động	x	x		
215	VZV Real-time PCR	x	x		
216	EBV-VCA IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
217	EBV IgM miễn dịch tự động	x	x		
218	EBV-VCA IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x	
219	EBV IgG miễn dịch tự động	x	x		
220	EBV EA-D IgG miễn dịch bán tự động	x	x		
221	EBV EB-NA IgG miễn dịch bán tự động	x	x		
222	EBV PCR	x	x		
223	EBV Real-time PCR	x	x		
224	EBV đo tải lượng hệ thống tự động	x	x		
	6. Enterovirus				
225	EV71 IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
226	EV71 PCR	x	x		
227	EV71 Real-time PCR	x	x		

Vì sinh - Ký sinh trùng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
228	EV71 genotype giải trình tự gene	x	x		
229	Enterovirus PCR	x	x		
230	Enterovirus Real-time PCR	x	x		
231	Enterovirus genotype giải trình tự gene	x	x		
	7. Các virus khác				
232	Adenovirus Real-time PCR	x	x		
233	BK/JC virus Real-time PCR	x	x		
234	Coronavirus PCR	x	x		
235	Coronavirus Real-time PCR	x	x		
236	Hantavirus test nhanh	x	x		
237	Hantavirus PCR	x	x		
238	HPV PCR	x	x		
239	HPV Real-time PCR	x	x		
240	HPV genotype Real-time PCR	x	x		
241	HPV genotype PCR hệ thống tự động	x	x		
242	HPV genotype giải trình tự gene	x	x		
243	Influenza virus A, B test nhanh	x	x	x	x
244	Influenza virus A, B Real-time PCR (*)	x	x		
245	Influenza virus A, B giải trình tự gene (*)	x	x		
246	JEV IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
247	Measles virus Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
248	Measles virus Ab miễn dịch tự động	x	x		
249	Rotavirus test nhanh	x	x	x	x
250	Rotavirus Ag miễn dịch bán tự động	x	x	x	
251	Rotavirus PCR	x	x		
252	RSV Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
253	RSV Real-time PCR	x	x		
254	Rubella virus Ab test nhanh	x	x	x	x
255	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
256	Rubella virus IgM miễn dịch tự động	x	x		

Vi sinh - Ký sinh trùng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
257	Rubella virus IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x	
258	Rubella virus IgG miễn dịch tự động	x	x		
259	Rubella virus Avidity	x	x		
260	Rubella virus PCR	x	x		
261	Rubella virus Real-time PCR	x	x		
262	Rubella virus giải trình tự gene	x	x		
	C. KÝ SINH TRÙNG				
	1. Ký sinh trùng trong phân				
263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x	x	x
264	Hồng cầu trong phân test nhanh	x	x	x	x
265	Đơn bào đường ruột soi tươi	x	x	x	x
266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	x	x	x	x
267	Trứng giun, sán soi tươi	x	x	x	x
268	Trứng giun soi tập trung	x	x	x	x
269	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	x	x	x	x
270	<i>Cryptosporidium</i> test nhanh	x	x	x	x
271	Ký sinh trùng kháng định	x	x		
	2. Ký sinh trùng trong máu				
272	<i>Angiostrogylus cantonensis</i> (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
273	<i>Angiostrogylus cantonensis</i> (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch tự động	x	x		
274	<i>Clonorchis/Opisthorchis</i> (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
275	<i>Clonorchis/Opisthorchis</i> (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch tự động	x	x		
276	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
277	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) Ab miễn dịch tự động	x	x		
278	<i>Echinococcus granulosus</i> (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
279	<i>Echinococcus granulosus</i> (Sán dây chó) Ab miễn dịch tự động	x	x		
280	<i>Entamoeba histolytica</i> (Amip) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
281	<i>Entamoeba histolytica</i> (Amip) Ab miễn dịch tự động	x	x		

Vì sinh - Ký sinh trùng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
282	<i>Fasciola</i> (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
283	<i>Fasciola</i> (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch tự động	x	x		
284	<i>Filaria</i> (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	x	x	x	x
285	<i>Gnathostoma</i> (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
286	<i>Gnathostoma</i> (Giun đầu gai) Ab miễn dịch tự động	x	x		
287	<i>Paragonimus</i> (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
288	<i>Paragonimus</i> (Sán lá phổi) Ab miễn dịch tự động	x	x		
289	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	x	x	x	x
290	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng	x	x		
291	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	x	x	x	x
292	<i>Schistosoma</i> (Sán máng) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
293	<i>Schistosoma</i> (Sán máng) Ab miễn dịch tự động	x	x		
294	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
295	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) Ab miễn dịch tự động	x	x		
296	<i>Toxocara</i> (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
297	<i>Toxocara</i> (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch tự động	x	x		
298	<i>Toxoplasma</i> IgM miễn dịch bán tự động	x	x	x	
299	<i>Toxoplasma</i> IgM miễn dịch tự động	x	x		
300	<i>Toxoplasma</i> IgG miễn dịch bán tự động	x	x	x	
301	<i>Toxoplasma</i> IgG miễn dịch tự động	x	x		
302	<i>Toxoplasma</i> Avidity	x	x		
303	<i>Trichinella spiralis</i> (Giun xoắn) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
304	<i>Trichinella spiralis</i> (Giun xoắn) Ab miễn dịch tự động	x	x		
	3. Ký sinh trùng ngoài da				
305	<i>Demodex</i> soi tươi	x	x	x	x
306	<i>Demodex</i> nhuộm soi	x	x	x	
307	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) soi tươi	x	x	x	x
308	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) nhuộm soi	x	x	x	
309	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghê) soi tươi	x	x	x	x
310	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghê) nhuộm soi	x	x	x	

Vì sinh - Ký sinh trùng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	4. Ký sinh trùng trong các bệnh phẩm khác				
311	<i>Cysticercus cellulosae</i> (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết	x	x	x	
312	<i>Gnathostoma</i> ấu trùng soi mảnh sinh thiết	x	x	x	
313	<i>Pneumocystis jirovecii</i> nhuộm soi	x	x		
314	<i>Taenia</i> (Sán dây) soi tươi định danh	x	x	x	
315	<i>Toxocara</i> (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh thiết	x	x	x	
316	<i>Trichinella spiralis</i> (Giun xoắn) soi mảnh sinh thiết	x	x	x	
317	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi	x	x	x	x
318	<i>Trichomonas vaginalis</i> nhuộm soi	x	x	x	
	D. VI NẤM				
319	Vi nấm soi tươi	x	x	x	x
320	Vi nấm test nhanh	x	x	x	x
321	Vi nấm nhuộm soi	x	x	x	
322	Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x	x		
323	Vi nấm nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	x	x		
324	Vi nấm nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động	x	x		
325	Vi nấm kháng định	x	x		
326	Vi nấm kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	x	x		
327	Vi nấm PCR	x	x		
328	Vi nấm giải trình tự gene	x	x		
	Đ. ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN				
329	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí	x	x	x	
330	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay	x	x	x	
331	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	x	x	x	
332	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt	x	x	x	
333	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt	x	x	x	
334	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước thải	x	x	x	
335	Vi khuẩn kháng thuốc - Phát hiện người mang	x	x	x	
336	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm	x	x	x	

Vi sinh - Ký sinh trùng

XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
1	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú	x	x	x	
2	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú	x	x	x	x
3	Chọc hút kim nhỏ gan không dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
4	Chọc hút kim nhỏ gan dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
5	Chọc hút kim nhỏ gan dưới hướng dẫn của CT. Scan	x			
6	Chọc hút kim nhỏ lách dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
7	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp	x	x		
8	Chọc hút kim nhỏ lách dưới hướng dẫn của CT. Scan	x	x		
9	Chọc hút kim nhỏ gan dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
10	Chọc hút kim nhỏ gan không dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
11	Chọc hút kim nhỏ tụy dưới hướng dẫn của CT. Scan	x	x		
12	Chọc hút kim nhỏ tụy dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
13	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	x	x	x	x
14	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	x	x	x	
15	Chọc hút kim nhỏ các hạch	x	x	x	x
16	Chọc hút kim nhỏ mào tinh, tinh hoàn không dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
17	Chọc hút kim nhỏ tổn thương trong ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
18	Chọc hút kim nhỏ các tổn thương hốc mắt	x			
19	Chọc hút kim nhỏ mô mềm	x	x		
20	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	x	x	x	
21	Tế bào học dịch màng khớp	x	x	x	
22	Tế bào học nước tiểu	x	x	x	
23	Tế bào học đờm	x	x	x	
24	Tế bào học dịch chải phế quản	x	x		
25	Tế bào học dịch rửa phế quản	x	x		
26	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang	x	x	x	
27	Tế bào học dịch rửa ổ bụng	x	x		
28	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm súc vật thực nghiệm	x			

Giải phẫu bệnh và tế bào học

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
29	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm tử thi	x	x		
30	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm sinh thiết	x	x	x	
31	Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô bệnh học	x	x	x	
32	Quy trình nhuộm đỏ Congo kiềm (theo Puchtler 1962)	x	x		
33	Nhuộm lipid trung tính và axit bằng sulfat xanh lơ Nil theo Dunnigan	x	x		
34	Nhuộm lipid trung tính và axit bằng sulfat xanh lơ Nil theo Menschick	x	x		
35	Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff	x	x		
36	Nhuộm xanh alcian	x	x		
37	Nhuộm hai màu Hematoxyline- Eosin	x	x		
38	Nhuộm ba màu theo phương Nhuộm 3 màu của Masson (1929)	x	x		
39	Nhuộm đa màu theo Lillie (1951)	x	x		
40	Nhuộm May - Grunwald - Giemsa cho tủy xương	x	x		
41	Nhuộm theo phương pháp Custer cho các mảnh cắt của tủy xương	x	x		
42	Nhuộm theo phương pháp Schmorl cho các mảnh cắt của tủy xương	x	x		
43	Nhuộm Soudan III hoặc IV hoặc Oil Red O trong dung dịch Ethanol	x	x		
44	Nhuộm Oil Red O trong cồn isopropylic	x	x		
45	Nhuộm đen Soudan B trong diacetin	x	x		
46	Nhuộm đen Soudan B hòa tan trong propylen-glycol	x	x		
47	Nhuộm đen Soudan B hòa tan trong ethanol-glycol	x	x		
48	Nhuộm lipid trung tính và axit bằng sulfat xanh lơ Nil theo Cain	x	x		
49	Nhuộm Grocott	x	x		
50	Nhuộm xanh Phổ Perl phát hiện ion sắt	x	x		
51	Nhuộm bạc Warthin - Stary phát hiện Helicobacter pylori	x	x		
52	Nhuộm Fer Colloidal de Hale (cải biên theo Muller và Mowry)	x	x		
53	Nhuộm sắt cao	x	x		
54	Nhuộm Gomori cho sợi võng	x	x		
55	Nhuộm aldehyde fuchsin cho sợi chun	x	x		
56	Nhuộm phát hiện adenosine triphosphatase (ATPase)	x	x		
57	Nhuộm Orcein cải biên theo Shikata phát hiện kháng nguyên HBsAg	x	x		
58	Nhuộm Orcein phát hiện kháng nguyên viêm gan B (HBSAg) trong mô gan	x	x		

Giải phẫu bệnh và tế bào học

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
59	Nhuộm Giemsa trên mảnh cắt mô phát hiện HP	x	x		
60	Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học	x	x		
61	Nhuộm hóa mô miễn dịch cho mỗi một dấu ấn	x	x		
62	Nhuộm miễn dịch huỳnh quang gián tiếp phát hiện kháng nguyên	x	x		
63	Nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp phát hiện kháng nguyên	x	x		
64	Nhuộm miễn dịch huỳnh quang gián tiếp phát hiện kháng thể	x	x		
65	Nhuộm ức chế huỳnh quang phát hiện kháng thể	x	x		
66	Nhuộm kháng bổ thể huỳnh quang phát hiện kháng thể	x	x		
67	Nhuộm Shorr	x	x		
68	Nhuộm Glycogen theo Best	x	x		
69	Nhuộm PAS kết hợp xanh Alcian	x	x		
70	Nhuộm phát hiện Phosphatase kiềm	x	x		
71	Nhuộm Gomori chỉ phát hiện phosphatase acid	x	x		
72	Nhuộm Mucicarmin	x	x		
73	Lấy bệnh phẩm làm phiến đồ tế bào cổ tử cung - âm đạo	x	x		
74	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou	x	x	x	
75	Nhuộm Diff - Quick	x	x	x	
76	Nhuộm Giemsa	x	x	x	x
77	Nhuộm May Grunwald - Giemsa	x	x	x	
78	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep	x	x		
79	Cell bloc (khối tế bào)	x	x		
80	Xét nghiệm FISH	x			
81	Xét nghiệm SISH	x			
82	Xét nghiệm giải trình tự chuỗi DNA trên khối paraffin	x			
83	Xét nghiệm PCR	x			
84	Xét nghiệm lai tại chỗ gắn màu (CISH)	x			
85	Xét nghiệm lai tại chỗ gắn bạc hai màu (Dual-ISH)	x			
86	Xét nghiệm giải trình tự gen	x			
87	Nuôi cấy tế bào	x			
88	Xét nghiệm nhiễm sắc thể đồ	x	x		
89	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	x	x	x	x
90	Xét nghiệm sinh thiết tức thì bằng cắt lạnh	x	x		

Giải phẫu bệnh và tế bào học

XXVI. VI PHẪU

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
	A. THẦN KINH SỌ NÃO				
1	Phẫu thuật vi phẫu u não nền sọ	x			
2	Phẫu thuật vi phẫu u não thất	x			
3	Phẫu thuật vi phẫu u não đường giữa	x	x		
4	Phẫu thuật vi phẫu dị dạng mạch não	x			
5	Phẫu thuật vi phẫu nối ghép thần kinh	x	x		
6	Phẫu thuật vi phẫu nối hoặc ghép mạch nội sọ	x			
	B. HÀM MẶT				
7	Phẫu thuật vi phẫu ghép sau cắt đoạn xương hàm bằng xương mác	x			
8	Phẫu thuật vi phẫu ghép sau cắt đoạn xương hàm bằng xương mào chậu	x			
9	Phẫu thuật vi phẫu ghép sau cắt đoạn xương hàm bằng xương đòn	x			
10	Phẫu thuật vi phẫu tạo hình các khuyết hồng lớn vùng hàm mặt sử dụng vật ngực	x			
11	Phẫu thuật vi phẫu tạo hình các khuyết hồng lớn vùng hàm mặt sử dụng vật lưng	x			
12	Phẫu thuật vi phẫu tạo hình các khuyết hồng lớn vùng hàm mặt sử dụng vật cơ thon	x			
13	Phẫu thuật vi phẫu tạo hình các khuyết hồng lớn vùng hàm mặt sử dụng vật cơ Delta	x			
14	Phẫu thuật vi phẫu điều trị đau dây tam thoa phương pháp Janneta	x			
15	Phẫu thuật vi phẫu tạo hình các khuyết hồng lớn vùng hàm mặt sử dụng vật tự do (cơ, xương, da, vật phức hợp ...)	x	x		
16	Phẫu thuật vi phẫu nối lại da đầu	x			
17	Phẫu thuật vi phẫu các bộ phận ở đầu, mặt bị đứt rời (mũi, tai, môi...)	x			
18	Phẫu thuật vi phẫu tái tạo lại các bộ phận ở đầu, mặt (da đầu, mũi, tai, môi...)	x			

Vi phẫu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	C. TAI MŨI HỌNG				
19	Phẫu thuật vi phẫu sử dụng laser cắt dây thanh và sụn phễu một bên	x	x		
20	Phẫu thuật vi phẫu sử dụng laser cắt dây thanh	x	x		
21	Phẫu thuật vi phẫu chỉnh hình sụn hẹp thanh khí quản	x	x		
22	Phẫu thuật vi phẫu chỉnh hình sụn hẹp thanh khí quản kèm ghép sụn sườn	x	x		
23	Phẫu thuật vi phẫu sử dụng laser cắt sụn sau cắt thanh quản	x	x		
24	Phẫu thuật vi phẫu cắt dây thanh	x	x		
25	Phẫu thuật vi phẫu cắt sụn sau cắt thanh quản	x	x		
26	Phẫu thuật vi phẫu thanh quản	x	x		
27	Phẫu thuật vi phẫu tai (vá màng nhĩ, giảm áp dây thần kinh 7, cấy ốc tai...)	x	x		
	D. SẢN PHỤ KHOA				
28	Tạo hình vú bằng vi phẫu thuật sử dụng vật tự do	x			
29	Phẫu thuật vi phẫu nối lại vòi sau cắt, tắc, tạo hình loa vòi	x	x		
30	Tạo hình âm đạo hoặc tăng sinh môn bằng vi phẫu thuật sử dụng vật tự do	x			
31	Tái tạo bộ phận sinh dục bằng vi phẫu thuật sử dụng vật tự do	x			
	Đ. CÁC CHUYÊN KHOA NGOẠI KHÁC				
32	Phủ khuyết rộng trên cơ thể bằng ghép vi phẫu mạc nối, kết hợp với ghép da kinh điển	x			
33	Chuyển vạt da có nối hoặc ghép mạch vi phẫu	x			
34	Chuyển vạt xương có nối hoặc ghép mạch vi phẫu	x			
35	Chuyển vạt cơ có nối hoặc ghép mạch vi phẫu	x			
36	Phẫu thuật tái tạo các tổn khuyết bằng vạt vi phẫu	x			
37	Phẫu thuật vi phẫu nối dương vật đứt rời	x	x		
38	Nối ống dẫn tinh - mào tinh hoàn bằng vi phẫu thuật	x	x		
39	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại cánh tay/cẳng tay bị cắt rời	x	x		
40	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại chi dưới bị cắt rời	x	x		

Vi phẫu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
41	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 4 ngón tay bị cắt rời	x	x		
42	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 3 ngón tay bị cắt rời	x	x		
43	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 2 ngón tay bị cắt rời	x	x		
44	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 1 ngón tay bị cắt rời	x	x		
45	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại bàn và các ngón tay bị cắt rời	x	x		
46	Chuyển vật phức hợp (da, cơ, xương, thần kinh...) có nối hoặc ghép mạch vi phẫu	x			
47	Tạo hình dương vật bằng vi phẫu thuật	x			
48	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 5 ngón tay bị cắt rời	x	x		
49	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 6 ngón tay bị cắt rời	x	x		
50	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 7 ngón tay bị cắt rời	x	x		
51	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 8 ngón tay bị cắt rời	x	x		
52	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 9 ngón tay bị cắt rời	x	x		
53	Phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 10 ngón tay bị cắt rời	x	x		
54	Phẫu thuật chuyển vật cơ chức năng có nối hoặc ghép mạch máu, thần kinh vi phẫu	x			
55	Phẫu thuật chuyển vật da phục hồi cảm giác có nối hoặc ghép mạch máu, thần kinh vi phẫu	x			
56	Tái tạo ngón tay bằng ngón chân có sử dụng vi phẫu	x			
57	Ghép thần kinh có mạch nuôi bằng vi phẫu	x			
58	Chuyển hoặc ghép thần kinh bằng vi phẫu thuật	x			

Vi phẫu

XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. SỌ NÃO - ĐẦU - MẶT - CỔ				
	1. Sọ não - Đầu - Mặt				
1	Phẫu thuật nội soi xoang bướm	X			
2	Phẫu thuật nội soi xoang trán	X			
3	Phẫu thuật nội soi hàm sàng trán bướm	X	X		
4	Phẫu thuật nội soi mở ngách mũi giữa	X	X		
5	Phẫu thuật nội soi nạo sàng trước/sau	X	X		
6	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn dưới	X	X		
7	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn mũi dưới	X	X		
8	Phẫu thuật chỉnh hình cắt cuốn mũi giữa	X	X		
9	Phẫu thuật cắt thần kinh VIDIAN	X			
10	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	X	X		
11	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần xương hàm trên medial maxillectomy	X			
12	Phẫu thuật nội soi sào bào thượng nhĩ (kín/hở)	X	X		
13	Phẫu thuật nội soi khoét xương chũm	X	X		
14	Phẫu thuật chỉnh hình xương con nội soi	X	X		
15	Phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	X	X		
16	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong	X			
17	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi	X	X		
18	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	X	X		
19	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ	X	X		
20	Phẫu thuật nội soi vùng nền sọ	X	X		
21	Phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ	X			
22	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị nền sọ	X			
23	Phẫu thuật nội soi lấy máu tụ	X			
24	Phẫu thuật bóc bao áp xe não	X			
25	Phẫu thuật nội soi kẹp cổ túi phình động mạch não	X			
26	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ kẹp cổ túi phình	X			
27	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch	X			
28	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải ép thần kinh số V	X			

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
1	2				
29	Phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II	x	x		
30	Phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất III	x			
31	Phẫu thuật nội soi phá nang màng nhện dịch não tủy	x			
32	Phẫu thuật nội soi tạo hình cống não	x			
33	Phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ	x			
34	Phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm	x	x		
35	Phẫu thuật nội soi lấy u não thất	x			
36	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u não thất	x			
37	Phẫu thuật nội soi phá thông sàn não thất và sinh thiết u não thất	x			
38	Phẫu thuật nội soi lấy u não vòm sọ	x			
39	Phẫu thuật nội soi lấy u não dưới lều	x			
40	Phẫu thuật nội soi lấy u sọ hầu qua xoang Bướm	x			
41	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ lấy u não	x			
	2. Tuyến giáp, tuyến cận giáp				
42	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp	x	x		
43	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp	x	x		
44	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp	x	x		
45	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp	x	x		
46	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp	x	x		
47	Phẫu thuật nội soi cắt tuyến cận giáp	x	x		
48	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x			
49	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x			
50	Phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp	x			
51	Phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp	x	x		
52	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
53	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
54	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
55	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
56	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow	x	x		
57	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow	x	x		

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
58	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x		
59	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên trong ung thư	x			
60	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 1 bên trong ung thư	x			
	B. CỘT SỐNG				
61	Phẫu thuật nội soi cắt máu răng C2 (mỏm nha) qua miệng	x			
62	Phẫu thuật nội soi lấy u vùng bản lề cằm cổ qua miệng	x			
63	Phẫu thuật nội soi giải phóng lỗ liên hợp cột sống cổ	x			
64	Phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống thắt lưng qua đường liên bản sống	x			
65	Phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống thắt lưng qua lỗ liên hợp	x			
66	Phẫu thuật nội soi cắt bản sống giải ép trong hẹp ống sống thắt lưng	x			
67	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ làm cứng cột sống lưng	x			
68	Phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực đường trước trong vẹo cột sống	x			
69	Phẫu thuật nội soi chỉnh vẹo cột sống ngực	x			
70	Phẫu thuật nội soi lấy thoát vị đĩa đệm cột sống cổ đường sau	x			
71	Phẫu thuật nội soi tủy sống	x			
72	Phẫu thuật nội soi lấy u	x			
73	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tủy	x			
74	Phẫu thuật nội soi lấy đĩa đệm cột sống ngực	x			
	C. LỒNG NGỰC - PHỔI - TIM - MẠCH				
	1. Lồng ngực - Phổi				
75	Phẫu thuật nội soi xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi	x	x	x	
76	Phẫu thuật nội soi cắt u thành ngực	x	x		
77	Phẫu thuật nội soi gỡ dính - hút rửa màng phổi trong bệnh lý mũ màng phổi	x	x		
78	Phẫu thuật nội soi gây dính màng phổi	x	x		
79	Phẫu thuật nội soi khâu dò ống ngực	x	x		
80	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý phổi, trung thất	x	x		
81	Phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi điều trị lồng ngực bẩm sinh (VATS)	x	x		

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
82	Phẫu thuật nội soi cắt - khâu kén khí phổi	x	x		
83	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm ngực	x	x		
84	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm cổ	x			
85	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm thất lưng	x			
86	Phẫu thuật nội soi bóc vỏ màng phổi	x	x		
87	Phẫu thuật nội soi điều trị máu đông màng phổi	x	x		
88	Phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi	x	x		
89	Phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi - màng phổi	x	x		
90	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất nhỏ (< 5 cm)	x	x		
91	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất lớn (> 5 cm)	x	x		
92	Phẫu thuật nội soi bóc, sinh thiết hạch trung thất	x	x		
93	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u chẩn đoán	x	x		
94	Phẫu thuật nội soi cắt một phần thùy phổi, kén - nang phổi	x	x		
95	Phẫu thuật nội soi cắt một thùy phổi	x			
96	Phẫu thuật nội soi cắt một thùy phổi kèm nạo vét hạch	x			
97	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi	x			
98	Phẫu thuật nội soi cắt một phổi kèm nạo vét hạch	x			
99	Phẫu thuật nội soi cắt - nối phế quản	x			
	2. Tim				
100	Phẫu thuật nội soi đặt điện cực tạo nhịp thượng tâm mạc	x			
101	Phẫu thuật nội soi sửa van hai lá	x			
102	Phẫu thuật nội soi thay van hai lá	x			
103	Phẫu thuật nội soi đóng lỗ thông liên nhĩ	x			
104	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu khoang màng tim	x	x		
105	Phẫu thuật nội soi cắt màng ngoài tim	x			
106	Phẫu thuật nội soi khâu gấp nếp cơ hoành (điều trị liệt thần kinh hoành)	x			
107	Phẫu thuật nội soi điều trị rung nhĩ	x			
108	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý tim	x			
	3. Mạch máu				
109	Phẫu thuật nội soi kẹp ống động mạch	x			
110	Phẫu thuật nội soi thắt tuần hoàn bàng hệ chủ - phổi	x			

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
111	Phẫu thuật nội soi điều trị phồng, hẹp, tắc động mạch chủ bụng dưới thận	x			
112	Phẫu thuật nội soi lấy động mạch ngực trong để làm cầu nối	x			
113	Phẫu thuật nội soi lấy tĩnh mạch hiển để làm cầu nối	x			
114	Phẫu thuật nội soi lấy động mạch quay để làm cầu nối	x			
115	Phẫu thuật nội soi cắt xương sườn 1 điều trị hội chứng đường thoát lồng ngực	x			
116	Phẫu thuật nội soi chuyển vị tĩnh mạch trong phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo	x			
117	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ (VATS) điều trị bệnh lý mạch máu	x			
	D. BỤNG - TIÊU HÓA				
	1. Thực quản				
118	Cắt thực quản nội soi ngực và bụng	x	x		
119	Cắt thực quản nội soi ngực phải	x			
120	Cắt thực quản nội soi qua khe hoành	x			
121	Cắt thực quản nội soi bụng - ngực phải với miệng nối ở ngực phải (phẫu thuật Lewis - Santy)	x			
122	Cắt u lành thực quản nội soi ngực phải	x	x		
123	Cắt u lành thực quản nội soi ngực trái	x	x		
124	Cắt u lành thực quản nội soi bụng	x	x		
125	Cắt thực quản đôi dạng nang qua nội soi ngực phải	x			
126	Cắt thực quản đôi dạng nang qua nội soi ngực trái	x			
127	Cắt thực quản đôi dạng nang qua nội soi bụng	x			
128	Cắt túi thừa thực quản qua nội soi ngực phải	x			
129	Cắt túi thừa thực quản qua nội soi ngực trái	x			
130	Cắt túi thừa thực quản qua nội soi bụng	x			
131	Phẫu thuật nội soi điều trị teo thực quản bẩm sinh	x			
132	Phẫu thuật Heller qua nội soi ngực trái	x	x		
133	Phẫu thuật Heller qua nội soi bụng	x	x		
134	Phẫu thuật Heller kết hợp tạo van chống trào ngược qua nội soi bụng	x	x		
135	Phẫu thuật mở cơ thực quản nội soi ngực phải điều trị bệnh co thắt thực quản nan tỏa	x			

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
136	Phẫu thuật tạo van chống trào ngược dạ dày - thực quản qua nội soi	x			
137	Phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị khe hoành	x			
138	Phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản bằng dạ dày	x			
139	Phẫu thuật nội soi tạo hình thực quản bằng đại tràng	x			
	2. Dạ dày				
140	Phẫu thuật nội soi cố định dạ dày	x	x		
141	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x		
142	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x		
143	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày - hồng tràng	x	x		
144	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	x	x		
145	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày + nối dạ dày - hồng tràng	x	x		
146	Phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày (Intraluminal Lap Surgery)	x			
147	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	x	x		
148	Phẫu thuật nội soi cắt thân thần kinh X	x	x		
149	Phẫu thuật nội soi cắt thân kinh X chọn lọc	x	x		
150	Phẫu thuật nội soi cắt thân kinh X siêu chọn lọc	x	x		
151	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày	x			
152	Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hồng tràng	x			
153	Phẫu thuật nội soi nối dạ dày - hồng tràng, nối túi mật - hồng tràng	x			
154	Phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình	x			
155	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	x	x		
156	Phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	x			
157	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày	x			
158	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách	x			
159	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1	x			
160	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 α	x			
161	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1 β	x			
162	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2	x			
163	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D3	x	x		
164	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + nạo hạch D2	x			
165	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày + cắt lách + nạo hạch D2	x			

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
	3. Tá tràng				
166	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	x	x		
167	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	x	x		
168	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng + nối dạ dày - hỗng tràng	x	x		
169	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng + nối dạ dày - hỗng tràng	x	x		
170	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	x	x		
171	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn tá tràng	x			
	4. Ruột non				
172	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	x	x		
173	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	x	x		
174	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x		
175	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng	x	x		
176	Phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non - ruột non	x	x		
177	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	x	x		
178	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	x	x		
179	Phẫu thuật nội soi mở hỗng tràng ra da	x	x		
180	Phẫu thuật nội soi mở hồi tràng ra da	x	x		
181	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	x	x		
182	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại	x	x		
183	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng	x	x		
184	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	x		
185	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	x	x		
186	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ ruột non	x	x		
	5. Ruột thừa				
187	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x	
188	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	x	x	x	
189	Phẫu thuật nội soi cắt lại mỏm ruột thừa	x	x		
190	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	x	x	x	
191	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	x	x	
	6. Đại tràng				
192	Phẫu thuật nội soi cắt manh tràng	x	x		

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
193	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải	x	x		
194	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải + nạo vét hạch	x	x		
195	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở rộng	x	x		
196	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải mở + nạo vét hạch rộng		x		
197	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang	x	x		
198	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang + nạo vét hạch	x	x		
199	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái	x	x		
200	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái + nạo vét hạch	x	x		
201	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông	x	x		
202	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông+ nạo vét hạch	x	x		
203	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng	x			
204	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ đại tràng + nạo vét hạch	x			
205	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng	x	x		
a	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng + nạo vét hạch	x	x		
206	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa đại tràng	x	x		
207	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng	x	x		
208	Phẫu thuật nội soi khâu thủng đại tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x		
b	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng	x	x		
209	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng + hậu môn nhân tạo	x	x		
210	Phẫu thuật nội soi nối tắt hồi tràng - đại tràng ngang	x	x		
211	Phẫu thuật nội soi nối tắt đại tràng - đại tràng	x	x		
212	Phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo	x			
213	Phẫu thuật nội soi Điều trị Megacolon (phẫu thuật Soave đường hậu môn một thì)	x			
214	Phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo	x			
	7. Hậu môn - Trực tràng				
215	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng	x	x		
216	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng + nạo vét hạch	x	x		
217	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp	x	x		
218	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp + nạo vét hạch	x	x		

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
219	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng - ống hậu môn	x			
220	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, nối đại tràng - ống hậu môn + nạo vét hạch + nạo vét hạch	x			
221	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngã bụng và tăng sinh môn	x			
222	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngã bụng và tăng sinh môn + nạo vét hạch	x			
223	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng móm cắt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo	x	x		
224	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng móm cắt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo + nạo vét hạch	x	x		
225	Phẫu thuật nội soi cổ định trực tràng	x	x		
226	Phẫu thuật nội soi cổ định trực tràng + cắt đoạn đại tràng	x	x		
227	Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng	x	x		
228	Phẫu thuật nội soi khâu thủng trực tràng + hậu môn nhân tạo	x	x		
229	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng	x	x		
230	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương trực tràng + hậu môn nhân tạo trên dòng	x	x		
231	Phẫu thuật nội soi khâu miệng nối đại - trực tràng, rửa bụng, dẫn lưu (xì miệng nối đại - trực tràng)	x	x		
232	Phẫu thuật nội soi hạ bóng trực tràng + tạo hình hậu môn một thì	x			
233	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn trực tràng trong điều trị sa trực tràng	x	x		
234	Phẫu thuật nội soi cổ định trực tràng trong điều trị sa trực tràng	x			
235	Phẫu thuật nội soi cổ định trực tràng bằng lưới trong điều trị sa trực tràng	x			
236	Phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn	x			
	8. Gan				
237	Phẫu thuật nội soi cắt gan phải	x			
238	Phẫu thuật nội soi cắt gan trái	x			
239	Phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy trước	x			
240	Phẫu thuật nội soi cắt gan phân thùy sau	x			

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
241	Phẫu thuật nội soi cắt gan thùy trái	x			
242	Phẫu thuật nội soi cắt gan thùy phải	x			
243	Phẫu thuật nội soi cắt gan trung tâm	x			
244	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy I	x			
245	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy II	x			
246	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy III	x			
247	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV	x			
248	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVA	x			
249	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IVB	x			
250	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V	x			
251	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI	x			
252	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII	x			
253	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VIII	x			
254	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy IV-V	x			
255	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy V-VI	x			
256	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VII-VIII	x			
257	Phẫu thuật nội soi cắt gan hạ phân thùy VI-VII-VIII	x			
258	Phẫu thuật nội soi cắt gan không điển hình	x			
259	Phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan	x			
260	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	x	x		
261	Phẫu thuật nội soi cắt nang gan	x	x		
262	Nội soi ổ bụng hỗ trợ đốt u gan bằng sóng cao tần (RFA)	x	x		
263	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan	x	x		
264	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch gan điều trị ung thư gan/vết thương gan	x			
	9. Đường mật				
265	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	x	x		
266	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	x	x		
267	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	x	x		
268	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái	x			

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
269	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ - hồng tràng	x			
270	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr	x	x		
271	PTNS tán sỏi trong mổ nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr	x	x		
272	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	x			
273	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	x	x	x	
274	Phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	x	x	x	
275	Phẫu thuật nội soi nối túi mật - hồng tràng	x	x		
276	Phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung - hồng tràng	x			
277	Phẫu thuật nội soi nối ống gan chung - hồng tràng	x			
278	Phẫu thuật nội soi nối ống mật chủ - hồng tràng	x			
279	Phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật	x	x		
280	PTNS cắt nang đường mật	x			
281	Phẫu thuật nội soi điều trị chảy máu đường mật	x			
282	Phẫu thuật nội soi cắt u OMC	x			
283	Phẫu thuật nội soi nối OMC - tá tràng	x			
284	PTNS cắt u đường mật ngoài gan thay thế OMC bằng quai ruột rời	x			
	10. Tụy				
285	Phẫu thuật nội soi cắt khối tá tụy	x			
286	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy	x			
287	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tụy + cắt lách	x			
288	Phẫu thuật nội soi cắt thân và đuôi tụy	x			
289	Phẫu thuật nội soi cắt thân và đuôi tụy + cắt lách	x			
290	Phẫu thuật nội soi cắt u tụy	x			
291	Phẫu thuật nội soi cắt nang tụy	x			
292	Phẫu thuật nội soi nối nang tụy - hồng tràng	x			
293	Phẫu thuật nội soi nối nang tụy - dạ dày	x			
294	Phẫu thuật nội soi cắt lọc tụy hoại tử	x	x		

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
295	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tụy	x	x		
296	Phẫu thuật nội soi Frey điều trị viêm tụy mạn	x			
297	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu nang tụy	x			
	11. Lách				
298	Phẫu thuật nội soi cắt lách	x			
299	Phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần	x			
300	Phẫu thuật nội soi khâu cầm máu lách	x			
301	Phẫu thuật nội soi cắt nang lách	x			
302	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang lách	x			
303	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần lách trong chấn thương	x			
	12. Mạc treo				
304	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột	x	x		
305	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột + cắt đoạn ruột non	x	x		
306	Phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	x	x		
307	Phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	x		
	13. Điều trị giảm béo				
308	Phẫu thuật nội soi đặt vòng thắt dạ dày	x			
309	Phẫu thuật nội soi cắt dạ dày hình ống	x			
310	Phẫu thuật nội soi nối tắt dạ dày - hỗng tràng	x			
311	Phẫu thuật nội soi đổi dòng tá tràng	x			
312	Phẫu thuật nội soi đảo dòng tụy mật	x			
	14. Thoát vị				
313	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo đường vào hoàn toàn trước phúc mạc (TEP)	x	x		
314	Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo trước phúc mạc đường vào qua ổ bụng (TAPP)	x	x		
315	Phẫu thuật nội soi đặt lưới nhân tạo trong ổ bụng	x	x		
316	Phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành	x	x		
317	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Lortat - Jacob	x	x		
318	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Dor	x	x		

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
1	2				
319	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Toupet	x	x		
320	Phẫu thuật nội soi khâu hẹp lỗ thực quản + tạo hình tâm vị kiểu Nissen	x	x		
	15. Tuyến thượng thận				
321	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
322	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
323	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 1 bên	x	x		
324	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 2 bên	x	x		
325	Nội soi cắt nang tuyến thượng thận	x			
326	Nội soi cắt chỏm nang tuyến thượng thận	x			
	16. Các phẫu thuật nội soi khác				
327	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	x	x		
328	Phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành	x	x		
329	Phẫu thuật nội soi sinh thiết hạch ổ bụng	x	x		
330	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ	x	x		
331	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư	x	x		
332	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	x	x		
333	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	x	x		
334	Phẫu thuật nội soi cố định các tạng (lồng, sa, thoát vị ...)	x	x		
335	Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng	x	x		
336	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở	x	x		
337	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong can thiệp nội soi ống mềm	x	x		
338	Phẫu thuật nội soi khác	x			
	Đ. TIẾT NIỆU - SINH DỤC				
	1. Thận				
339	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ thận phụ	x	x		
340	Phẫu thuật nội soi cắt eo thận móng ngựa	x			
341	Phẫu thuật nội soi cắt u thận	x	x		
342	Phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần	x			
343	Phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc	x			
344	Phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	x	x		

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
345	Phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính	x			
346	Phẫu thuật nội soi cắt u thận ác tính	x			
347	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận qua phúc mạc	x			
348	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc	x			
349	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	x			
350	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc	x			
351	Nội soi lấy thận ghép	x			
352	Phẫu thuật nội soi cắt bạch mạch thận	x	x		
353	Phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận	x	x		
354	Tán sỏi thận qua da	x	x		
355	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	x	x		
356	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	x	x		
357	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	x	x		
358	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	x	x		
359	Nội soi thận ống mềm gấp sỏi thận	x	x		
360	Phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản do u đường bài xuất	x	x		
361	Phẫu thuật nội soi hẹp bể thận, niệu quản (nội soi trong)	x	x		
362	Nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản nội soi	x	x		
363	Phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	x	x		
	2. Niệu quản				
364	Nội soi niệu quản cắt nang	x	x		
365	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	x	x		
366	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	x	x		
367	Nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	x	x		
368	Nội soi niệu quản để đặt thông JJ hoặc rút thông JJ	x	x	x	
369	Nội soi tạo hình niệu quản sau tĩnh mạch chủ	x			
370	Phẫu thuật nội soi cầm lại niệu quản vào bàng quang	x			
371	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	x	x		
372	Nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	x	x		

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
373	Tán sỏi qua da bằng xung hơi	x			
374	Tán sỏi qua da bằng siêu âm	x			
375	Tán sỏi qua da bằng laser	x			
376	Nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser hoặc bằng xung hơi	x	x		
377	Nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	x	x		
378	Nội soi nông niệu quản hẹp	x	x		
379	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	x	x		
380	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	x	x		
	3. Bàng quang				
381	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang bán phần	x			
382	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang tận gốc	x			
383	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	x			
384	Nội soi cắt polyp cổ bàng quang	x	x		
385	Nội soi bàng quang cắt u	x	x		
386	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	x	x		
387	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang, tạo hình bàng quang qua ổ bụng	x			
388	Phẫu thuật nội soi treo cổ bàng quang điều trị tiểu không kiểm soát	x	x		
389	Nội soi xẻ cổ bàng quang điều trị xơ cứng cổ bàng quang	x	x		
390	Nội soi gấp sỏi bàng quang	x	x		
391	Nội soi bàng quang tán sỏi	x	x		
392	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng	x	x		
393	Nội soi vá rò bàng quang - âm đạo	x	x		
394	Nội soi nạo hạch chậu bịt	x	x		
	4. Tuyến tiền liệt				
395	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến tiền liệt	x			
396	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi	x	x		
397	Phẫu thuật nội soi cắt u tiền liệt tuyến triệt căn qua ổ bụng hoặc ngoài phúc mạc	x	x		
398	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính	x	x		
399	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser	x	x		
400	Nội soi tuyến tiền liệt bằng laser đông vón	x	x		

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
401	Nội soi tuyến tiền liệt bằng sóng Radio cao tần	x	x		
402	Nội soi tuyến tiền liệt bằng phương pháp nhiệt	x	x		
	5. Sinh dục, niệu đạo				
403	Phẫu thuật nội soi ổ bụng điều trị vô sinh	x			
404	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn	x	x		
405	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn trong ổ bụng	x	x		
406	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh	x	x		
407	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo	x	x		
408	Nội soi tán sỏi niệu đạo	x	x		
409	Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo	x	x		
410	Nội soi bóc bạch mạch điều trị đái đường chấp	x			
411	Phẫu thuật nội soi nạo hạch bên 2 bên (trong ung thư dương vật)	x	x		
	6. Phẫu thuật vùng hố chậu				
412	Phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	x	x		
413	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	x	x		
414	Phẫu thuật nội soi cắt khối chứa ngoài tử cung	x	x		
415	Phẫu thuật nội soi mở vòi trứng lấy khối chứa ngoài tử cung + tạo hình vòi trứng	x			
416	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh	x	x		
417	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán trong phụ khoa	x	x		
418	Phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	x	x		
419	Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	x	x		
420	Phẫu thuật vét hạch tiểu khung qua nội soi	x	x		
	7. Tử cung				
421	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	x			
422	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polype	x			
423	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ	x			
424	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	x			
425	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	x			
426	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung	x			
427	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn để lại 2 phần phụ	x			

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
428	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + cắt 2 phần phụ	x			
429	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	x			
430	Phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục	x			
	8. Buồng trứng - Vòi trứng				
431	Phẫu thuật nội soi cắt góc buồng trứng	x			
432	Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x		
433	Cắt u buồng trứng qua nội soi	x	x		
434	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	x	x		
435	Nội soi nối vòi tử cung	x	x		
436	Cắt u buồng trứng + tử cung qua nội soi	x	x		
437	Thông vòi tử cung qua nội soi	x	x		
	E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG				
	1. Khớp vai				
438	Phẫu thuật nội soi tạo hình móm cùng vai	x	x		
439	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet	x			
440	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	x			
441	Phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chóp xoay	x			
442	Phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền trên từ trước ra sau	x			
443	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn	x			
444	Phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn	x			
445	Phẫu thuật nội soi đính lại điểm bám gân nhị đầu	x			
446	Phẫu thuật nội soi cắt đầu dài gân nhị đầu	x			
447	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm co rút khớp vai	x			
448	Phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay	x			
449	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai	x			
450	Phẫu thuật nội soi khớp bả vai lồng ngực	x			
	2. Khớp khuỷu				
451	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp khuỷu	x	x		
452	Phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khuỷu	x			
453	Phẫu thuật nội soi điều trị gãy xương vùng khuỷu	x			
454	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm móm trên lồng cầu ngoài	x			

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
	3. Khớp cổ tay				
455	Phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay	x			
456	Phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay	x			
457	Phẫu thuật nội soi điều trị tổn thương phức hợp sụn sụn tam giác	x			
	4. Khớp háng				
458	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp háng	x			
459	Phẫu thuật nội soi điều trị rách sụn viền ổ cối	x			
	5. Khớp gối				
460	Phẫu thuật nội soi cắt hoạt mạc viêm khớp gối	x	x		
461	Phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm	x	x		
462	Phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm	x			
463	Phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối	x	x		
464	Phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy	x	x		
465	Phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân	x			
466	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân	x	x		
467	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng	x	x		
468	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x			
469	Phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	x			
470	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	x			
471	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó	x			
472	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh chè	x			
473	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối	x			
474	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân xương bánh chè đồng loại 1 bó	x			
475	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân xương bánh chè đồng loại 2 bó	x			
476	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân achille đồng loại 1 bó	x			
477	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân achille đồng loại 2 bó	x			

Phẫu thuật nội soi

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
478	Phẫu thuật nội soi tái tạo đồng thời nhiều dây chằng (chéo trước, chéo sau) bằng gân đồng loại	x			
479	Phẫu thuật nội soi điều trị khớp gối bằng gân đồng loại (nội soi tái tạo dây chằng chéo trước, chéo sau, mổ mở tái tạo dây chằng bên chày, bên mác)	x			
480	Phẫu thuật nội soi điều trị vỡ xương bánh chè	x			
481	Phẫu thuật nội soi gỡ dính khớp gối	x			
	6. Khớp cổ chân				
482	Phẫu thuật nội soi hàn khớp cổ chân	x			
483	Phẫu thuật nội soi hàn khớp dưới sên	x			
484	Phẫu thuật nội soi điều trị hội chứng chèn ép trước cổ chân	x			
485	Phẫu thuật nội soi cắt lọc khớp bàn ngón chân cái	x			
486	Phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân	x			
	G. TẠO HÌNH				
	1. Vùng Đầu - Mặt - Cổ				
487	Phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ	x			
488	Phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt	x			
489	Phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt	x			
490	Phẫu thuật nội soi chẩn đoán bệnh lý khớp (khớp thái dương hàm)	x			
	2. Vùng thân mình				
491	Phẫu thuật nội soi nâng ngực	x			
492	Phẫu thuật nội soi tạo hình vú sau ung thư	x			
493	Phẫu thuật nội soi lấy vật: Vật cơ lưng to; Vật cơ thẳng bụng; Vật mạc treo ...	x			
494	Phẫu thuật nội soi chẩn đoán (u vú)	x			
	3. Vùng chi thể				
495	Phẫu thuật nội soi lấy thần kinh trong phẫu thuật ghép thần kinh (thần kinh hiển ...)	x			
496	Phẫu thuật nội soi lấy vật: Vật cơ thon, cơ thẳng đùi, cơ rộng trong...	x			
497	Phẫu thuật nội soi lấy u	x			
	H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
498	Phẫu thuật nội soi đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng	x	x	x	

Phẫu thuật nội soi

XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ				
	1. Vùng xương sọ - da đầu				
1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	x	x	x	x
2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	x	x	x	x
3	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật tại chỗ	x	x	x	
4	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật lân cận	x	x	x	
5	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật tự do	x	x		
6	Phẫu thuật điều trị loét da đầu bán phần	x	x		
7	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
8	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x	x	
9	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
10	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2cm trở lên	x	x	x	
11	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu dưới 2cm	x	x		
12	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu từ 2cm trở lên	x	x		
13	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	x	x	x	
14	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	x	x	x	
15	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da nhân tạo	x	x		
16	Tạo hình khuyết da đầu bằng vật da tại chỗ	x	x	x	
17	Phẫu thuật tạo vật da lân cận che phủ các khuyết da đầu	x	x		
18	Phẫu thuật tạo vật da tự do che phủ các khuyết da đầu	x	x		
19	Phẫu thuật tạo hình che phủ khuyết phức hợp vùng đầu bằng vật da cân xương có cuống nuôi	x	x		
20	Phẫu thuật tạo hình che phủ khuyết phức hợp vùng đầu bằng vật da cân xương tự do	x	x		
21	Phẫu thuật đặt túi giãn da vùng da đầu	x	x		
22	Bơm túi giãn da vùng da đầu	x	x		
23	Phẫu thuật tạo vật giãn da vùng da đầu	x	x		
24	Phẫu thuật giãn da cấp tính vùng da đầu	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
25	Phẫu thuật ghép mỡ trung bì vùng trán	x	x		
26	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng sụn tự thân	x	x		
27	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng xương tự thân	x	x		
28	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng xương đồng loại	x	x		
29	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng chất liệu nhân tạo	x	x		
30	Phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman vùng trán	x	x		
31	Phẫu thuật tái tạo trán lõm bằng xi măng xương	x	x		
32	Phẫu thuật lấy mảnh xương sọ hoại tử	x	x		
	2. Vùng mi mắt				
33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	x	x	x	x
34	Khâu da mi	x	x	x	
35	Khâu phục hồi bờ mi	x	x		
36	Khâu cắt lọc vết thương mi	x	x	x	x
37	Phẫu thuật ghép da tự thân cho vết thương khuyết da mi	x	x		
38	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết da mi	x	x		
39	Phẫu thuật tạo vạt da lân cận cho vết thương khuyết da mi	x	x		
40	Phẫu thuật tái tạo cho vết thương góc mắt	x	x		
41	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết toàn bộ mi trên	x	x		
42	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết toàn bộ mi dưới	x	x		
43	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
44	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	x	x		
45	Phẫu thuật hạ mi trên	x	x		
46	Kéo dài cân cơ nâng mi	x	x		
47	Phẫu thuật chuyển gân điều trị hở mi	x	x		
48	Phẫu thuật điều trị hở mi	x	x		
49	Ghép da mi hay vạt da điều trị lật mi dưới do sẹo	x	x		
50	Khâu cơ kéo mi dưới để điều trị lật mi dưới	x	x		
51	Đặt chỉ trước bản sụn làm căng mi, rút ngắn mi hay phối hợp cả hai điều trị lật mi dưới	x	x		
52	Phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x		
53	Phẫu thuật hẹp khe mi	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
54	Phẫu thuật điều trị Epicanthus	x	x		
55	Phẫu thuật điều trị trĩ mi dưới	x	x		
56	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả	x	x		
57	Phẫu thuật tạo hình khuyết một phần mi mắt	x	x		
58	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/2 toàn bộ mi mắt trên	x	x		
59	Phẫu thuật tạo hình khuyết toàn bộ mi mắt trên	x	x		
60	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/2 toàn bộ mi mắt dưới	x	x		
61	Phẫu thuật tạo hình khuyết toàn bộ mi mắt dưới	x	x		
62	Phẫu thuật giải phóng sẹo bông mi mắt	x	x	x	
63	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da lành tính mi mắt	x	x	x	
64	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da ác tính mi mắt	x	x	x	
65	Phẫu thuật ghép sụn mi mắt	x	x		
66	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	x	x	x	
67	Phẫu thuật tạo hình mi mắt kết hợp các bộ phận xung quanh	x	x		
68	Phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt	x	x		
69	Phẫu thuật ghép mỡ trung bì tự thân điều trị lõm mắt	x	x		
70	Đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt	x	x		
71	Đặt bản Silicon điều trị lõm mắt	x	x		
72	Nâng sàn hốc mắt	x	x		
73	Tạo hình hốc mắt trong tật không nhãn cầu để lắp mắt giả	x	x		
74	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	x	x		
75	Tái tạo toàn bộ mi bằng vật có cuống mạch	x	x		
76	Tái tạo toàn bộ mi và cùng đồ bằng vật có cuống mạch	x	x		
77	Tái tạo toàn bộ mi bằng vật tự do	x	x		
78	Tái tạo toàn bộ mi và cùng đồ bằng vật tự do	x	x		
79	Điều trị chứng co mi trên bằng botox	x	x		
80	Điều trị chứng co giật mi trên bằng botox	x	x		
81	Tái tạo cung mày bằng vật có cuống mạch nuôi	x	x		
82	Tái tạo cung mày bằng ghép da đầu mang tóc	x	x		
	3. Vùng mũi				
83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	x	x	x	

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
84	Phẫu thuật ghép bộ phận mũi đứt rời không sử dụng vi phẫu	x	x	x	
85	Phẫu thuật ghép bộ phận mũi đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x		
86	Phẫu thuật ghép toàn bộ mũi đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x		
87	Phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x		
88	Phẫu thuật tạo hình mũi toàn bộ	x	x		
89	Phẫu thuật tạo hình mũi một phần	x	x		
90	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật có cuống mạch nuôi	x	x		
91	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật da kế cận	x	x		
92	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật da từ xa	x	x		
93	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng các vật da có cuống mạch nuôi	x	x		
94	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng ghép phức hợp vành tai	x	x		
95	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2cm)	x	x		
96	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (trên 2cm)	x	x		
97	Phẫu thuật tạo hình mũi sư tử	x	x		
98	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo khe hở môi đơn	x	x		
99	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo khe hở môi kép	x	x		
100	Phẫu thuật thu nhỏ đầu mũi	x	x		
101	Phẫu thuật thu nhỏ tháp mũi	x	x		
102	Phẫu thuật hạ thấp sống mũi	x	x		
103	Phẫu thuật tạo hình nâng xương chính mũi	x	x		
104	Phẫu thuật đặt túi giãn da cho tạo hình tháp mũi	x	x		
105	Phẫu thuật tạo tạo vật giãn cho tạo hình tháp mũi	x	x		
106	Phẫu thuật chỉnh sụn cánh mũi	x	x		
107	Phẫu thuật tạo lỗ mũi	x	x	x	
108	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	x	x	x	
109	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
	4. Vùng môi				
110	Khâu vết thương vùng môi	x	x	x	
111	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	x	x	x	
112	Phẫu thuật tái tạo khuyết lớn do vết thương môi	x	x	x	
113	Ghép một phần môi đứt rời bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
114	Ghép toàn bộ môi đứt rời bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
115	Ghép toàn bộ môi đứt rời và phần xung quanh bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
116	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vật tại chỗ	x	x	x	
117	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vật tự do	x	x		
118	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật tại chỗ	x	x		
119	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật lân cận	x	x		
120	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật từ xa	x	x		
121	Phẫu thuật tạo hình môi kết hợp các bộ phận xung quanh bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
122	Phẫu thuật chỉnh sửa lệch miệng do liệt thần kinh VII	x	x		
123	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi bẩm sinh một bên	x	x		
124	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi bẩm sinh hai bên	x	x		
125	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi một bên	x	x		
126	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi hai bên	x	x		
127	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng mắc phải	x	x		
128	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng bẩm sinh	x	x		
129	Phẫu thuật tạo hình thông mũi miệng	x	x		
130	Phẫu thuật tạo hình thiếu năng vòm hầu bằng vật thành họng sau	x	x		
131	Phẫu thuật tạo hình thiếu năng vòm hầu bằng tiêm chất làm đầy	x	x		
132	Phẫu thuật tái tạo hình sẹo bọng môi	x	x	x	
133	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	x	x	x	
134	Phẫu thuật tạo hình nhân trung	x	x	x	
135	Phẫu thuật chuyển vật da đầu tạo môi trên ở nam giới	x	x	x	
	5. Vùng tai				
136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	x	x	x	x
137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	x	x	x	x
138	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	x	x	x	
139	Phẫu thuật ghép vành tai đứt rời bằng vi phẫu	x	x		
140	Phẫu thuật bảo tồn sụn vành tai đứt rời	x	x	x	
141	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/3 vành tai bằng vật tại chỗ	x	x		
142	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/2 vành tai bằng vật tại chỗ	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
143	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/4 vành tai bằng vật tại chỗ	x	x	x	
144	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật da tự do	x	x		
145	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng sụn tự thân (thì 1)	x	x		
146	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng chất liệu nhân tạo (thì 1)	x	x		
147	Phẫu thuật tạo hình dựng vành tai trong mất toàn bộ vành tai (thì 2)	x	x		
148	Phẫu thuật tạo hình thu nhỏ vành tai	x	x	x	
149	Phẫu thuật tạo hình vành tai cup	x	x		
150	Phẫu thuật tạo hình vành tai vùi	x	x		
151	Phẫu thuật tạo hình cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x	
152	Phẫu thuật tạo hình lỗ tai ngoài	x	x		
153	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ luân	x	x	x	
154	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ bình	x	x	x	
155	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dải tai bằng vật tại chỗ	x	x	x	
156	Phẫu thuật tạo hình sẹo bóng vành tai	x	x	x	
157	Phẫu thuật tạo hình sẹo lõm quá phát vành tai	x	x	x	
158	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	x	x	x	
159	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai	x	x		
160	Phẫu thuật cắt bỏ u da ác tính vành tai	x	x		
	6. Vùng hàm mặt cổ				
161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	x	x	x	x
162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	x
163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	x
164	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	x	x	x	
165	Khâu nối thần kinh ngoại biên vùng mặt cổ	x	x		
166	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây thần kinh VII (đoạn ngoài sọ)	x	x		
167	Phẫu thuật khâu vết thương thẩu má	x	x	x	
168	Phẫu thuật khâu vết thương thẩu má và ống tuyến nước bọt	x	x		
169	Phẫu thuật khâu vết thương ống tuyến nước bọt	x	x		
170	Phẫu thuật khâu vết thương thần kinh	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
171	Phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x	
172	Phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời bằng vi phẫu	x	x		
173	Phẫu thuật ghép lại mô mặt phức hợp đứt rời bằng vi phẫu	x	x		
174	Phẫu thuật vết thương vùng hàm mặt do hỏa khí	x	x		
175	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh	x	x	x	
176	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x	x	
177	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 0	x	x		
178	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 1 - 14	x	x		
179	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 2 - 13	x	x		
180	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 3 - 12	x	x		
181	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 4 - 11	x	x		
182	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 5 - 10	x	x		
183	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 6 - 9	x	x		
184	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 7	x	x		
185	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 8	x	x		
186	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt 2 bên	x	x		
187	Phẫu thuật chỉnh sửa góc hàm xương hàm dưới	x	x		
188	Phẫu thuật chỉnh sửa gò má - cung tiếp	x	x		
189	Phẫu thuật cắt chỉnh cằm	x	x		
190	Phẫu thuật chỉnh sửa thân xương hàm dưới	x	x		
191	Phẫu thuật tạo hình liệt mặt do dây VII bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
192	Phẫu thuật tạo hình liệt mặt do dây VII bằng kỹ thuật treo	x	x		
193	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh nửa mặt bằng chất làm đầy	x	x	x	
194	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh nửa mặt bằng ghép mỡ coleman	x	x	x	
195	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng chất làm đầy	x	x	x	
196	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng ghép mỡ coleman	x	x	x	
197	Phẫu thuật cắt u da mặt lành tính	x	x	x	
198	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (dưới 3cm)	x	x	x	
199	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (trên 3cm)	x	x	x	

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
200	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	x	x	x	
201	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da lân cận	x	x		
202	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	x	x	x	
203	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da từ xa	x	x	x	
204	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da vi phẫu	x	x	x	
205	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x		
206	Phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x		
207	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
208	Phẫu thuật cắt xương điều trị nhô cằm	x	x		
209	Phẫu thuật điều trị hoại tử mô do tia xạ bằng vật có cuống mạch nuôi	x	x		
210	Phẫu thuật điều trị hoại tử mô do tia xạ bằng vật từ xa bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
211	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ	x	x		
212	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ	x	x		
213	Ghép da dày toàn bộ, diện tích dưới 10cm ²	x	x	x	
214	Ghép da dày toàn bộ, diện tích trên 10cm ²	x	x	x	
215	Phẫu thuật đặt túi bơm giãn da	x	x	x	
216	Nút động mạch dị dạng động tĩnh mạch ở vùng đầu và hàm mặt	X	X		
217	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
218	Cắt dị dạng bạch mạch đầu mặt cổ	x	x	x	
219	Cắt dị dạng tĩnh mạch đầu mặt cổ	x	x	x	
220	Tiêm xơ dị dạng tĩnh mạch đầu mặt cổ	x	x	x	
221	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt dưới 5cm và tạo hình bằng ghép da tự thân	x	x		
222	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt dưới 5cm và tạo hình bằng vật da tại chỗ	x	x		
223	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt trên 5cm và tạo hình bằng vật da lân cận	x	x		
224	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt trên 5cm và tạo hình bằng vật da bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
225	Cắt u phần mềm vùng cổ	x	x	x	
226	Cắt novi sắc tố vùng hàm mắt	x	x	x	
227	Cắt u sắc tố vùng hàm mắt	x	x	x	
228	Cắt u thần kinh vùng hàm mắt	x	x		
229	Cắt u xơ thần kinh vùng hàm mắt	x	x	x	
230	Cắt u da lành tính vùng hàm mắt	x	x		
231	Cắt u mỡ hệ thống lan tỏa vùng hàm mắt	x	x		
232	Phẫu thuật vi phẫu ghép tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng xương mác	x	x		
233	Phẫu thuật vi phẫu ghép tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng xương mào chậu	x	x		
234	Phẫu thuật vi phẫu ghép tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng xương đòn	x	x		
235	Ghép mỡ tự thân coleman	x	x	x	
236	Ghép tế bào gốc	x	x		
237	Phẫu thuật đặt túi giãn da vùng mặt cổ	x	x		
238	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu ghép nhân tạo vùng đầu mặt	x	x		
239	Phẫu thuật lát bỏ chất silicon lỏng vùng mặt cổ	x	x		
240	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu độn vùng mặt cổ	x	x		
	B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH				
241	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vật da cơ có cuống mạch	x	x		
242	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vật da cơ có cuống mạch kết hợp đặt chất liệu độn	x	x		
243	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vật da có cuống mạch xuyên kế cận	x	x		
244	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vật da giãn kết hợp đặt chất liệu độn	x	x		
245	Phẫu thuật tái tạo vú sau ung thư bằng vật da cơ có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
246	Phẫu thuật điều trị loét sạ trị vùng ngực bằng vật da cơ có cuống mạch	x	x		
247	Phẫu thuật điều trị loét sạ trị vùng ngực bằng vật da cơ có cuống mạch	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
248	Phẫu thuật điều trị loét sạ trị vùng ngực bằng vật da mạch xuyên vùng kế cận	x	x		
249	Phẫu thuật điều trị loét sạ trị vùng ngực bằng vật da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
250	Phẫu thuật tái tạo quầng núm vú	x	x		
251	Phẫu thuật tái núm vú bằng mảnh ghép phức hợp	x	x		
252	Phẫu thuật tái núm vú bằng vật tại chỗ	x	x		
253	Phẫu thuật thu nhỏ vú phì đại	x	x		
254	Phẫu thuật treo vú sa trễ	x	x		
255	Phẫu thuật thu nhỏ vú sa trễ	x	x		
256	Phẫu thuật tháo bỏ silicone cũ, nạo silicon lỏng	x	x		
257	Phẫu thuật giải phóng sẹo bong co kéo vú	x	x		
258	Phẫu thuật điều trị sẹo bong vú bằng vật da cơ có cuống mạch	x	x		
259	Phẫu thuật điều trị sẹo bong vú bằng kỹ thuật giãn da	x	x		
260	Phẫu thuật điều trị sẹo bong vú bằng vật da cơ có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
261	Phẫu thuật điều trị ung thư da vú bằng vật da tại chỗ	x	x		
262	Phẫu thuật điều trị ung thư da vú bằng vật da cơ có cuống mạch nuôi	x	x		
263	Phẫu thuật điều trị ung thư da vú bằng vật da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
264	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	x	x	x	
265	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	x	x	x	
266	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	x	x	x	
267	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid	x	x		
268	Phẫu thuật tạo hình dị tật bẩm sinh vú	x	x		
269	Phẫu thuật cắt vú to ở đàn ông	x	x	x	
270	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực bụng bằng vật da cơ kế cận	x	x		
271	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực bụng bằng vật da lân cận	x	x		
272	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực, bụng bằng vật da tự do	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
273	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực, bụng bằng vật giãn da	x	x		
274	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần mềm thành ngực bụng bằng ghép da tự thân	x	x		
275	Cắt bỏ khối u da lành tính dưới 5cm	x	x		
276	Cắt bỏ khối u da lành tính trên 5cm	x	x		
277	Cắt bỏ khối u da ác tính	x	x		
278	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần cơ thành bụng bằng vật cân cơ lân cận	x	x		
279	Phẫu thuật Tạo hình khuyết phần cơ thành bụng bằng vật cân cơ có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
280	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét tỳ đè	x	x		
281	Phẫu thuật loét tỳ đè cùng cụt bằng ghép da tự thân	x	x		
282	Phẫu thuật loét tỳ đè cùng cụt bằng vật da cơ có cuống mạch	x	x		
283	Phẫu thuật loét tỳ đè ụ ngồi bằng vật da cơ có cuống mạch	x	x		
284	Phẫu thuật loét tỳ đè máu chuyển bằng vật da cơ có cuống mạch	x	x		
285	Phẫu thuật loét tỳ đè bằng vật tự do	x	x		
	C. TẠO HÌNH VÙNG CƠ QUAN SINH DỤC NGOÀI				
286	Phẫu thuật tạo hình vết thương khuyết da dương vật bằng vật da tại chỗ	x	x		
287	Phẫu thuật ghép mảnh da dương vật bị lộ gãy	x	x		
288	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật	x	x		
289	Ghép dương vật đứt rời bằng vi phẫu	x	x		
290	Ghép tinh hoàn đứt rời bằng vi phẫu	x	x		
291	Phẫu thuật giải phóng xơ cong dương vật	x	x		
292	Phẫu thuật tạo hình dương vật bằng vật da có cuống mạch kế cận	x	x		
293	Phẫu thuật tạo hình dương vật bằng vật tự do	x	x		
294	Phẫu thuật tạo hình bìu bằng vật da có cuống mạch	x	x		
295	Phẫu thuật vết thương khuyết da niêm mạc vùng âm hộ âm đạo bằng vật da tại chỗ	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
296	Phẫu thuật cắt bỏ âm vật	x	x		
297	Phẫu thuật tạo hình khuyết da âm hộ bằng vật có cuống	x	x		
298	Phẫu thuật tạo hình khuyết da âm hộ bằng ghép da tự thân	x	x		
299	Phẫu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo	x	x		
300	Phẫu thuật tạo hình không âm đạo bằng ghép da tự thân	x	x		
301	Phẫu thuật tạo hình không âm đạo bằng vật có cuống mạch nuôi	x	x		
302	Phẫu thuật tạo hình không âm đạo bằng vật da tự do	x	x		
303	Phẫu thuật tạo hình không âm đạo bằng nong giãn	x	x		
304	Phẫu thuật tạo hình dị tật ngắn âm đạo bằng ghép da tự thân	x	x		
305	Phẫu thuật tạo hình dị tật ngắn âm đạo bằng vật có cuống mạch nuôi	x	x		
306	Phẫu thuật tạo hình dị tật ngắn âm đạo bằng vật da tự do	x	x		
307	Phẫu thuật tạo hình dị tật ngắn âm đạo bằng nong giãn	x	x		
308	Phẫu thuật đặt bộ phận giả (prosthesis) chữa liệt dương	x	x		
309	Phẫu thuật tạo ống thông động tĩnh mạch chữa liệt dương	x	x		
310	Phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới giả nữ	x	x		
311	Phẫu thuật cắt dương vật trong lưỡng giới	x	x		
312	Phẫu thuật tạo hình âm đạo trong lưỡng giới	x	x		
313	Chuyển sang giới tính nữ	x	x		
314	Chuyển sang giới tính nam	x	x		
	D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY				
315	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	x	x		
316	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cẳng tay	x	x		
317	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vật tại chỗ	x	x		
318	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vật tại chỗ	x	x		
319	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vật lân cận	x	x		
320	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vật lân cận	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
321	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vật da có sử dụng vi phẫu thuật	x	x		
322	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vật da có sử dụng vi phẫu thuật	x	x		
323	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x		
324	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vật da tại chỗ	x	x		
325	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vật da lân cận	x	x		
326	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vật da từ xa	x	x		
327	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vật có sử dụng vi phẫu thuật	x	x		
328	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng ghép da tự thân	x	x		
329	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	x	x		
330	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận	x	x		
331	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da từ xa	x	x		
332	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng vật có sử dụng vi phẫu thuật	x	x		
333	Phẫu thuật điều trị loét da bàn tay bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
334	Phẫu thuật vết thương khớp bàn ngón	x	x	x	
335	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	x	x		
336	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính	x	x	x	
337	Nội gân gấp	x	x	x	
338	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x	
339	Phẫu thuật ghép gân gấp có sử dụng vi phẫu thuật	x	x		
340	Nội gân duỗi	x	x	x	
341	Gỡ dính gân	x	x	x	
342	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x	
343	Khâu nối thần kinh sử dụng vi phẫu thuật	x	x		
344	Gỡ dính thần kinh	x	x		
345	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24 giờ điều trị vết thương mãn tính	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
346	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48 giờ điều trị vết thương mãn tính	x	x		
347	Phẫu thuật tái tạo ngón cái bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
348	Phẫu thuật tái tạo ngón trỏ bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
349	Phẫu thuật cái hóa	x	x		
350	Chuyển ngón có cuống mạch nuôi	x	x		
351	Phẫu thuật tạo hình kẽ ngón cái	x	x		
352	Rút nếp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	x	x	x	
353	Thay khớp bàn tay	x	x		
354	Thay khớp liên đốt các ngón tay	x	x		
355	Phẫu thuật tách dính 2 ngón tay	x	x		
356	Phẫu thuật tách dính 3 ngón tay	x	x		
357	Phẫu thuật tách dính 4 ngón tay	x	x		
358	Phẫu thuật cắt ngón tay thừa	x	x		
359	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay cái thừa	x	x		
360	Phẫu thuật tạo hình ngón tay cái xẻ đôi	x	x		
361	Phẫu thuật sửa sẹo co rách bằng ghép da tự thân	x	x		
362	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng ghép da tự thân	x	x		
363	Phẫu thuật sửa sẹo co rách bằng vật da tại chỗ	x	x		
364	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng vật tại chỗ	x	x		
365	Phẫu thuật sửa sẹo co rách bằng vật da cơ lân cận	x	x		
366	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng vật da từ xa	x	x		
367	Phẫu thuật sửa sẹo co rách bằng vật da có sử dụng vi phẫu thuật	x	x		
368	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng vật da có sử dụng vi phẫu thuật	x	x		
369	Phẫu thuật tạo hình vòng ngấn ối căng bàn tay	x	x		
370	Phẫu thuật sửa sẹo co cổ bàn tay bằng tạo hình chữ Z	x	x		
371	Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng tạo hình chữ Z	x	x		
372	Phẫu thuật sửa sẹo co cổ bàn tay bằng ghép da tự thân	x	x		
373	Phẫu thuật sửa sẹo co ngón tay bằng ghép da tự thân	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
374	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 4 ngón tay bị cắt rời	x	x		
375	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 3 ngón tay bị cắt rời	x	x		
376	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 2 ngón tay bị cắt rời	x	x		
377	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại 1 ngón tay bị cắt rời	x	x		
378	Kết hợp phẫu thuật vi phẫu nối các mạch máu, thần kinh trong nối lại bàn và các ngón tay bị cắt rời	x	x		
379	Phẫu thuật vi phẫu tích làm móng vật tạo hình bàn ngón tay	x	x		
380	Phẫu thuật tạo vật trị hoãn cho bàn ngón tay	x	x		
381	Phẫu thuật tạo vật tĩnh mạch cho khuyết phần mềm bàn ngón tay	x	x		
382	Phẫu thuật ghép móng	x	x		
383	Phẫu thuật giãn da cho vùng cánh cẳng tay	x	x		
384	Phẫu thuật giãn da điều trị dính ngón bẩm sinh	x	x		
	Đ. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI				
385	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng ghép da tự thân	x	x		
386	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng ghép da tự thân	x	x		
387	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng bằng ghép da tự thân	x	x		
388	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cổ chân bằng ghép da tự thân	x	x		
389	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da tự thân	x	x		
390	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vật da tại chỗ	x	x		
391	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vật da tại chỗ	x	x		
392	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vật da tại chỗ	x	x		
393	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng vật da tại chỗ	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
394	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vật da lân cận	x	x		
395	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vật da lân cận	x	x		
396	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vật da lân cận	x	x		
397	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da lân cận	x	x		
398	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vật da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
399	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vật da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
400	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vật da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
401	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
402	Phẫu thuật tạo hình các khuyết chi dưới bằng vật da cơ có cuống mạch nuôi	x	x		
403	Cắt các khối u da lành tính dưới 5cm	x	x		
404	Cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x		
405	Cắt khối u da lành tính khổng lồ	x	x		
406	Cắt loét tỳ đè vùng gót bàn chân	x	x		
407	Phẫu thuật cắt ngón chân thừa	x	x		
408	Phẫu thuật đặt túi giãn da	x	x		
409	Phẫu thuật tạo vật giãn da	x	x		
	E. THẨM MỸ				
410	Phẫu thuật cấy, ghép lông mày	x	x	x	
411	Phẫu thuật cấy tóc điều trị hói	x	x	x	
412	Phẫu thuật chuyển vật da đầu điều trị hói	x	x		
413	Phẫu thuật đặt túi dẫn da đầu điều trị hói	x	x		
414	Phẫu thuật thu gọn môi dày	x	x	x	
415	Phẫu thuật độn môi	x	x	x	
416	Phẫu thuật điều trị cười hở lợi	x	x		

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
417	Phẫu thuật sa trễ mi trên người già	x	x	x	
418	Phẫu thuật thừa da mi trên	x	x	x	
419	Phẫu thuật cắt da mi dưới cung mày	x	x	x	
420	Phẫu thuật cắt da trán trên cung mày	x	x	x	
421	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
422	Phẫu thuật khâu tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
423	Phẫu thuật lấy bọng mỡ mi dưới	x	x	x	
424	Phẫu thuật thừa da mi dưới	x	x	x	
425	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt	x	x	x	
426	Phẫu thuật treo cung mày trực tiếp	x	x	x	
427	Phẫu thuật treo cung mày bằng chỉ	x	x	x	
428	Phẫu thuật nâng, độn các vật liệu sinh học điều trị má hóp	x	x	x	
429	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo kết hợp sụn tự thân	x	x	x	
430	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo	x	x	x	
431	Phẫu thuật nâng mũi bằng sụn tự thân	x	x	x	
432	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi	x	x	x	
433	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gò	x	x	x	
434	Phẫu thuật chỉnh hình mũi lệch	x	x	x	
435	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ nâng mũi	x	x	x	
436	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau chích chất làm đầy vùng mũi	x	x	x	
437	Phẫu thuật nâng gò má thẩm mỹ	x	x	x	
438	Phẫu thuật chỉnh cung thái dương gò má	x	x	x	
439	Phẫu thuật chỉnh thon góc hàm	x	x	x	
440	Phẫu thuật chỉnh sửa các di chứng do chích chất làm đầy trên toàn thân	x	x	x	
441	Phẫu thuật căng da mặt bán phần	x	x	x	
442	Phẫu thuật căng da mặt toàn phần	x	x	x	
443	Phẫu thuật căng da mặt cổ	x	x	x	

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
444	Phẫu thuật căng da cổ	X	X	X	
445	Phẫu thuật căng da trán	X	X	X	
446	Phẫu thuật căng da thái dương giữa mắt	X	X	X	
447	Phẫu thuật căng da trán thái dương	X	X	X	
448	Phẫu thuật căng da trán thái dương có hỗ trợ nội soi	X	X	X	
449	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ căng da mặt	X	X	X	
450	Thủ thuật treo chỉ căng da mặt các loại	X	X	X	
451	Hút mỡ vùng cằm	X	X	X	
452	Hút mỡ vùng dưới hàm	X	X	X	
453	Hút mỡ vùng nếp mũi má, má	X	X	X	
454	Hút mỡ vùng cánh tay	X	X	X	
455	Hút mỡ vùng nhượng chân, cổ chân	X	X	X	
456	Hút mỡ vùng vú	X	X	X	
457	Hút mỡ bụng một phần	X	X	X	
458	Hút mỡ bụng toàn phần	X	X	X	
459	Hút mỡ đùi	X	X	X	
460	Hút mỡ hông	X	X	X	
461	Hút mỡ vùng lưng	X	X	X	
462	Hút mỡ tạo bụng sáu múi	X	X	X	
463	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau hút mỡ	X	X	X	
464	Phẫu thuật cấy mỡ tạo dáng cơ thể	X	X	X	
465	Phẫu thuật cấy mỡ nâng mũi	X	X	X	
466	Phẫu thuật cấy mỡ làm đầy vùng mặt	X	X	X	
467	Phẫu thuật cấy mỡ bàn tay	X	X	X	
468	Phẫu thuật cấy mỡ vùng mông	X	X	X	
469	Phẫu thuật làm to mông bằng túi độn mông	X	X	X	
470	Phẫu thuật nâng vú bằng túi độn ngực	X	X	X	
471	Phẫu thuật nâng vú bằng chất làm đầy	X	X	X	
472	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ nâng vú	X	X	X	
473	Phẫu thuật tạo hình bụng bán phần	X	X	X	

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
474	Phẫu thuật tạo hình bụng toàn phần	X	X	X	
475	Phẫu thuật căng da bụng không cắt rời và di chuyển rốn	X	X	X	
476	Phẫu thuật căng da bụng có cắt rời và di chuyển rốn	X	X	X	
477	Phẫu thuật tái tạo thành bụng đơn giản	X	X	X	
478	Phẫu thuật tái tạo thành bụng phức tạp	X	X	X	
479	Phẫu thuật tạo hình thành bụng toàn phần kết hợp hút mỡ bụng	X	X	X	
480	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ tạo hình thẩm mỹ bụng	X	X	X	
481	Phẫu thuật độn cằm	X	X	X	
482	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng cấy mỡ	X	X	X	
483	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng tiêm chất làm đầy	X	X	X	
484	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ chỉnh hình cằm	X	X	X	
485	Phẫu thuật thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài nữ	X	X	X	
486	Phẫu thuật thu nhỏ âm đạo	X	X	X	
487	Laser điều trị u da	X	X	X	
488	Laser điều trị nám da	X	X	X	
489	Laser điều trị đồi mồi	X	X	X	
490	Laser điều trị nếp nhăn	X	X	X	
491	Tiêm Botulium điều trị nếp nhăn	X	X	X	
492	Tiêm chất làm đầy xóa nếp nhăn	X	X	X	
493	Tiêm chất làm đầy nâng mũi	X	X	X	
494	Tiêm chất làm đầy độn mô	X	X	X	

Phẫu thuật tạo hình - thẩm mỹ

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Xuyên

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080.44946 – 080.44417

Fax: 080.44517

Email: congbao@chinhphu.vn

Website: <http://congbao.chinhphu.vn>

In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng